

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thu Vân**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Vũ Hùng Quyết**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thu Vân**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Vũ Hùng Quyết**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Vũ Thu Vân

Mã SV: 120342

Lớp: QT1201K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**



## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	3
1.1.2. Các khái niệm cơ bản: .....	3
1.1.2.1. Doanh thu .....	3
1.1.2.2. Chi phí và các loại chi phí: .....	6
1.1.2.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh: .....	7
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp .....	8
1.2: Nội dung công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	8
1.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ .....	8
1.2.1.1: Chứng từ sử dụng: .....	8
1.2.1.2: Tài khoản sử dụng : .....	9
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .....	12
1.2.2.1: Chứng từ sử dụng .....	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	12
1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán: .....	14
1.2.3.1: Chứng từ sử dụng .....	16
1.2.3.2: Tài khoản sử dụng .....	16
1.2.4: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp .....	21
1.2.4.1: Kế toán chi phí bán hàng. ....	21
1.2.4.2: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp. ....	22
1.2.5: Kế toán hoạt động tài chính .....	25

1.2.5.1: Kế toán doanh thu tài chính.....	25
1.2.5.2: Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	25
1.2.6: Kế toán hoạt động khác .....	26
1.2.6.1: Kế toán thu nhập khác .....	26
1.2.6.2: Kế toán chi phí khác.....	27
1.2.7: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	30
1.2.7.1: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành .....	30
1.2.7.2: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.....	31
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	36
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH.....</b>	<b>38</b>
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Tân Bình: .....	38
2.1.1. Giới thiệu chung về công ty.....	38
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty.....	39
2.1.3. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty : .....	41
2.1.4. Các chính sách kế toán chung: .....	42
2.2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình: .....	45
2.2.1: Kế toán doanh thu dịch vụ vận tải tại công ty TNHH Tân Bình.....	45
2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán.....	54
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng .....	60
2.2.4 :Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	66
2.2.5: Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP.....	72
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	72
2.2.6: Nội dung hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Tân Bình.....	80
2.2.6.1. Kế toán thu nhập khác.....	80



2.2.6.2. <i>Kế toán chi phí khác:</i> .....	80
2.2.7. <i>Xác định kết quả kinh doanh</i> .....	88
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH</b> .....	97
3.1. <i>Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty</i> .....	97
TNHH Tân Bình.....	97
3.1.1. <i>Những ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty</i> .....	97
3.1.1.1. <i>Đối với công tác kế toán</i> .....	97
3.1.1.2. <i>Về hạch toán kế toán nói chung:</i> .....	97
3.1.2: <i>Nhược điểm:</i> .....	99
3.2. <i>Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tân Bình</i> .....	102
3.2.1 . <i>Về việc tổ chức công tác kế toán:</i> .....	102
3.2.2. <i>Về việc luân chuyển chứng từ</i> .....	103
3.2.3. <i>Về hệ thống sổ kế toán</i> .....	103
3.2.3.1. <i>Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho từng đối tượng</i> .....	103
3.2.3.2. <i>Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng</i> ..	106
3.2.3.3 <i>Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi</i> .....	110
<b>KẾT LUẬN</b> .....	112

## LỜI MỞ ĐẦU

Khi một doanh nghiệp muốn hoạt động kinh doanh hiệu quả đều phải nắm bắt được thông tin về chi phí đầu vào và kết quả đầu ra một cách kịp thời và chính xác, để có thể đưa ra một quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp mình. Các doanh nghiệp luôn mong muốn tối ưu hóa hiệu quả các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của mình nhằm giảm thiểu chi phí và hướng đến mục đích kết quả đầu ra càng cao càng tốt hay để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các khoản chi phí, doanh thu và tính toán kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Vì thế để tiến hành hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm tới các yếu tố chi phí doanh thu kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Thông tin kế toán đưa ra không chỉ quan trọng đối với người quản lý điều hành doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, với các đối tác và các tổ chức tài chính. Quá trình thực tập tại Công ty TNHH Tân Bình đã cho em hiểu thêm về thực tiễn công tác kế toán đặc biệt là kế toán các doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động vận tải biển của công ty. Với sự giúp đỡ của thầy giáo hướng dẫn Vũ Hùng Quyết và các cán bộ kế toán của công ty em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình”.

Nội dung chủ yếu của đề tài này được chia làm 3 chương chính như sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình .

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình.

Mặc dù, được sự hướng dẫn tận tình của GV Th.S Vũ Hùng Quyết và

các cô bác trong phòng kế toán tại Công ty đã giúp em hoàn thành bài báo cáo của mình, song do khả năng còn hạn chế và kinh nghiệm thực tế còn ít ỏi, báo cáo của em chắc chắn sẽ không tránh khỏi sai sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự phê bình đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài luận của em được hoàn thiện hơn.

Sinh viên

**Vũ Thu Vân**

## CHƯƠNG I

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1 Những vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như doanh thu, chi phí hay xác định kết quả kinh doanh thì có nhiều công cụ khác nhau nhưng trong đó kế toán là công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là hết sức cần thiết, giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản:

1.1.2.1. Doanh thu

❖ **Các loại doanh thu:**

\* **Doanh thu bán hàng:**

*Khái niệm* : Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*Các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng*: Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm hàng hoá khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**\* Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

*Khái niệm:* Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kì kế toán, phát sinh từ các hoạt động thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kì kế toán, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*Các điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:* Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân Đối Kế Toán

+ Xác định chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**\* Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

**\* Doanh thu tài chính:** Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

\* **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

❖ **Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

\* **Phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

\* **Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

\* **Phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng.

+ Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đại lý sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận tiền hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

+ Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng tiền hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

\* **Phương thức trả góp, trả chậm**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ.

**\* Phương thức hàng đổi hàng không tương tự.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

**\* Phương thức bán hàng nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị cấp trên với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

**❖ Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**

**\* Chiết khấu thương mại:** Là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận

**\* Giảm giá hàng bán:** Là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất

**\* Hàng bán bị trả lại:** Là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

**\* Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ

**\* Thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu:**

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB

+ Thuế xuất khẩu: là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam

*1.1.2.2. Chi phí và các loại chi phí:*

*Chi phí:* Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định

*Các chi phí :*

\* **Giá vốn hàng bán:** Là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

\***Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

\***Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

\* **Chi phí tài chính:** Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính

\***Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

#### *1.1.2.3. Xác định kết quả hoạt động kinh doanh:*

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp được xác định theo từng kỳ kế toán. Kỳ kế toán để xác định lợi nhuận thường là một tháng, một quý hoặc một năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được hình thành từ tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh chính, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các ngành SXKD chính và SXKD phụ.

+ Kết quả hoạt động tài chính là: hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

+ Kết quả hoạt động khác của doanh nghiệp là: hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp



*1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp*

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản doanh thu. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán
- Phản ánh, tính toán, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Phản ánh tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn hợp lý
- Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

**1.2: Nội dung công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

*1.2.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

*1.2.1.1: Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ
  - Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 – BH)
  - Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có...)
  - Tờ khai thuế GTGT (Mẫu số 07A/GTGT)
  - Các chứng từ khác có liên quan như : Hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ, Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại...

1.2.1.2: *Tài khoản sử dụng :*

❖ *Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”*

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK5118: Doanh thu khác

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 511*

**Bên Nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất nhập khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá , dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**Bên Có**

- Doanh thu bán sản phẩm , hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán

❖ *Tài khoản 512 “ Doanh thu nội bộ” :*

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

*\*Kết cấu và nội dung TK512:*

**Bên Nợ**

- Trị giá hàng bán bị trả lại , khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm , hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, tiêu thụ nội bộ

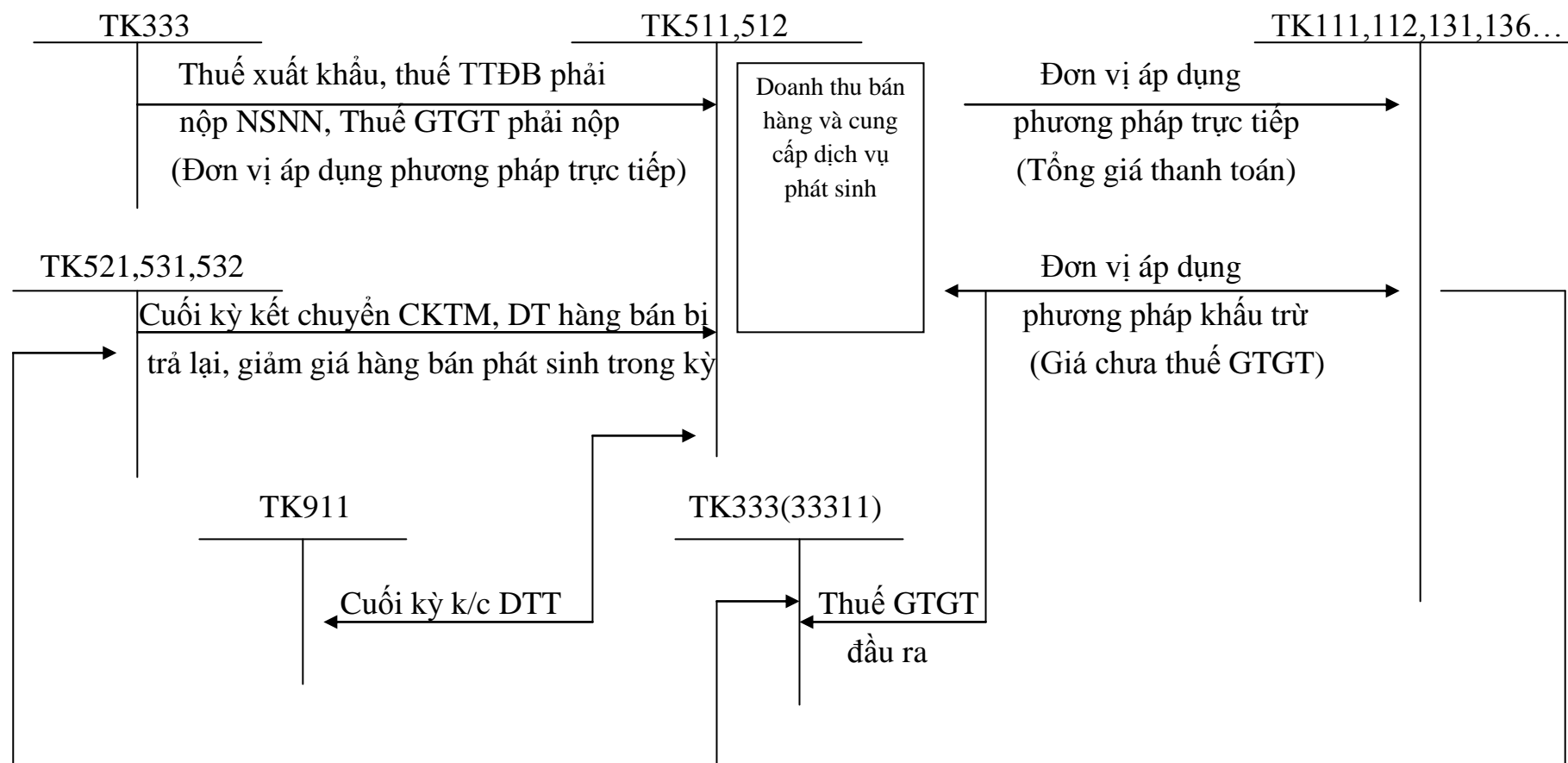
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

**Bên Có**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

*\*Phương pháp kế toán:*

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



**1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

**1.2.2.1: Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng

**1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

**❖ Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”**

*\*Khái niệm:* Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại bên bán.

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 521:*

**Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

**Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 : Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 : Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 : Chiết khấu dịch vụ

*\* Phương pháp kế toán : được thể hiện khái quát qua Sơ đồ 1.2*

**❖ Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”**

*\* Khái niệm:* Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không

đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

*\* Kết cấu và nội dung tài khoản 531:*

**Bên Nợ**

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán

**Bên Có**

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

*\* Phương pháp kế toán: được thể hiện khái quát qua Sơ đồ 1.2*

❖ Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”

*\* Khái niệm:*

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau : đều là giảm giá cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn.

*\* Kết cấu nội dung tài khoản 532:*

**Bên Nợ**

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng

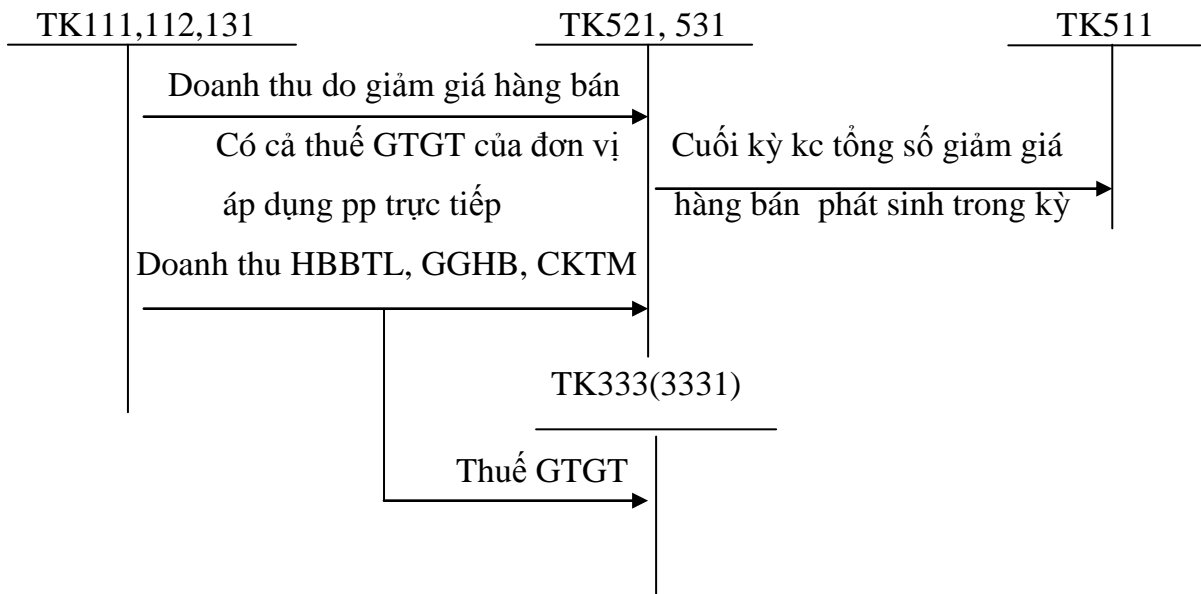
**Bên Có**

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 hoặc 512

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp kế toán được thể hiện qua Sơ đồ 1.2*

**Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**



**❖ Các khoản thuế làm giảm trừ doanh thu:**

- *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:* Là thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

Cách tính: *Thuế TTDB phải nộp = Giá tính thuế TTDB x Thuế suất.*

- *Thuế xuất khẩu:* là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

$$\text{Thuế xuất khẩu} = \text{Trị giá tính thuế} \times \text{Thuế suất thuế xuất khẩu}$$

**1.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán:**

*\*Khái niệm :* Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*\*Phương pháp tính giá vốn*

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

+ Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO):

Theo phương pháp này, kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá trị thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kì.

+ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, doanh nghiệp phải quản lý vật tư hàng hóa theo từng lô hàng. Khi xuất lô hàng nào thì lấy giá thực tế của lô hàng đó.

+ Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp này trị giá hàng xuất kho được xác định bằng:

Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

- Nếu đơn giá bình quân được tính cho từng lần nhập được gọi là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:



$$\frac{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ}_i}{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ}_i} = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập thứ}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập thứ}_i}$$

*1.2.3.1: Chứng từ sử dụng*

Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)

Phiếu nhập kho(Mẫu 01- VT)

Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ ( Mẫu 03- VT)

Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hóa để báo cáo bán hàng

*1.2.3.2: Tài khoản sử dụng*

*\*Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”*

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ.

*+Theo phương pháp kê khai thường xuyên*

**Bên Nợ**

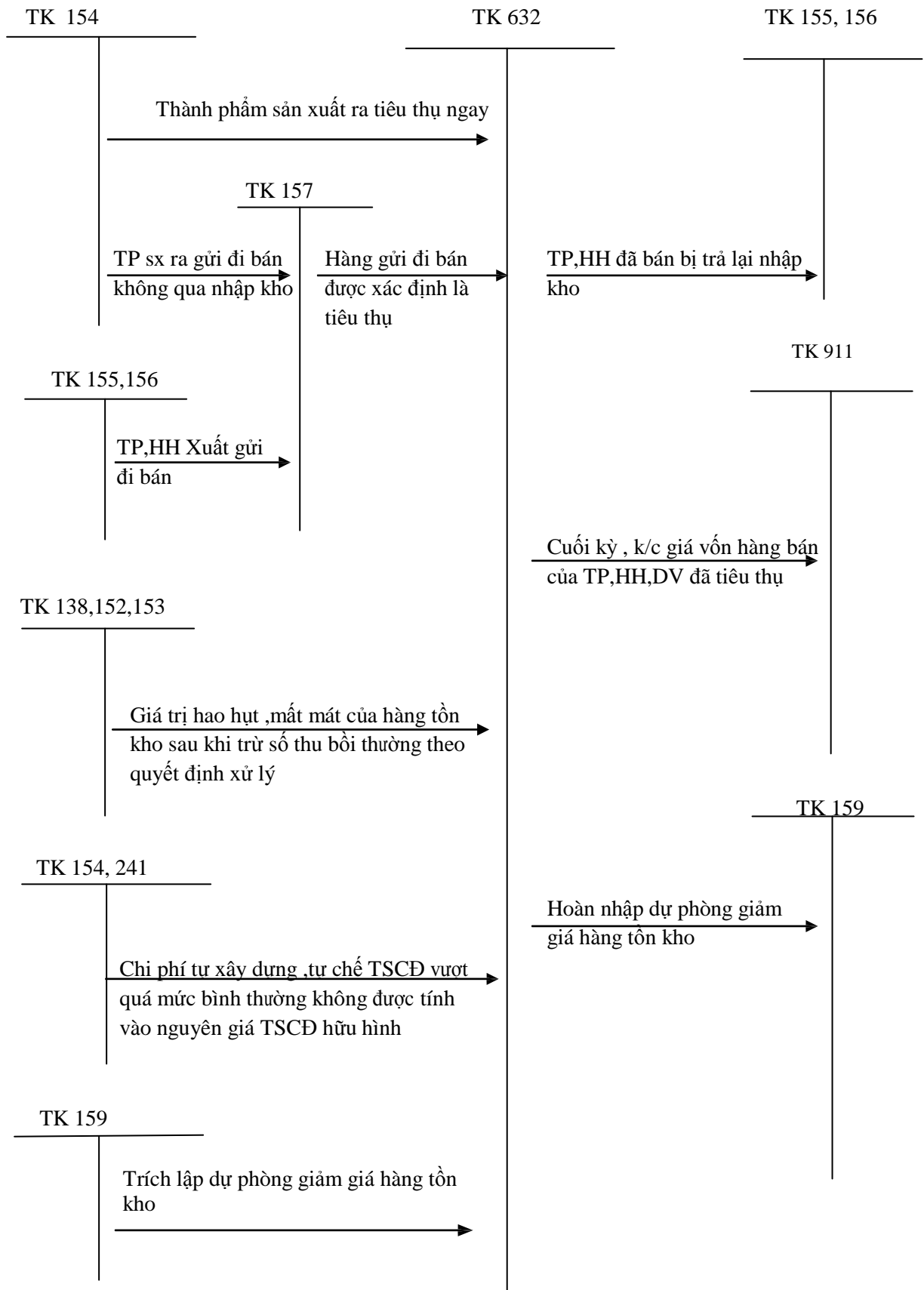
- Phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

**Bên Có**

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
  - Giá vốn của hàng bán bị trả lại.
  - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.
  - Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kê khai thường xuyên)



+Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

**Bên Nợ**

- Trị giá vốn thành phẩm tồn đầu kỳ
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.
- Tổng giá thành thực tế sản phẩm , lao vụ dịch vụ đã hoàn thành

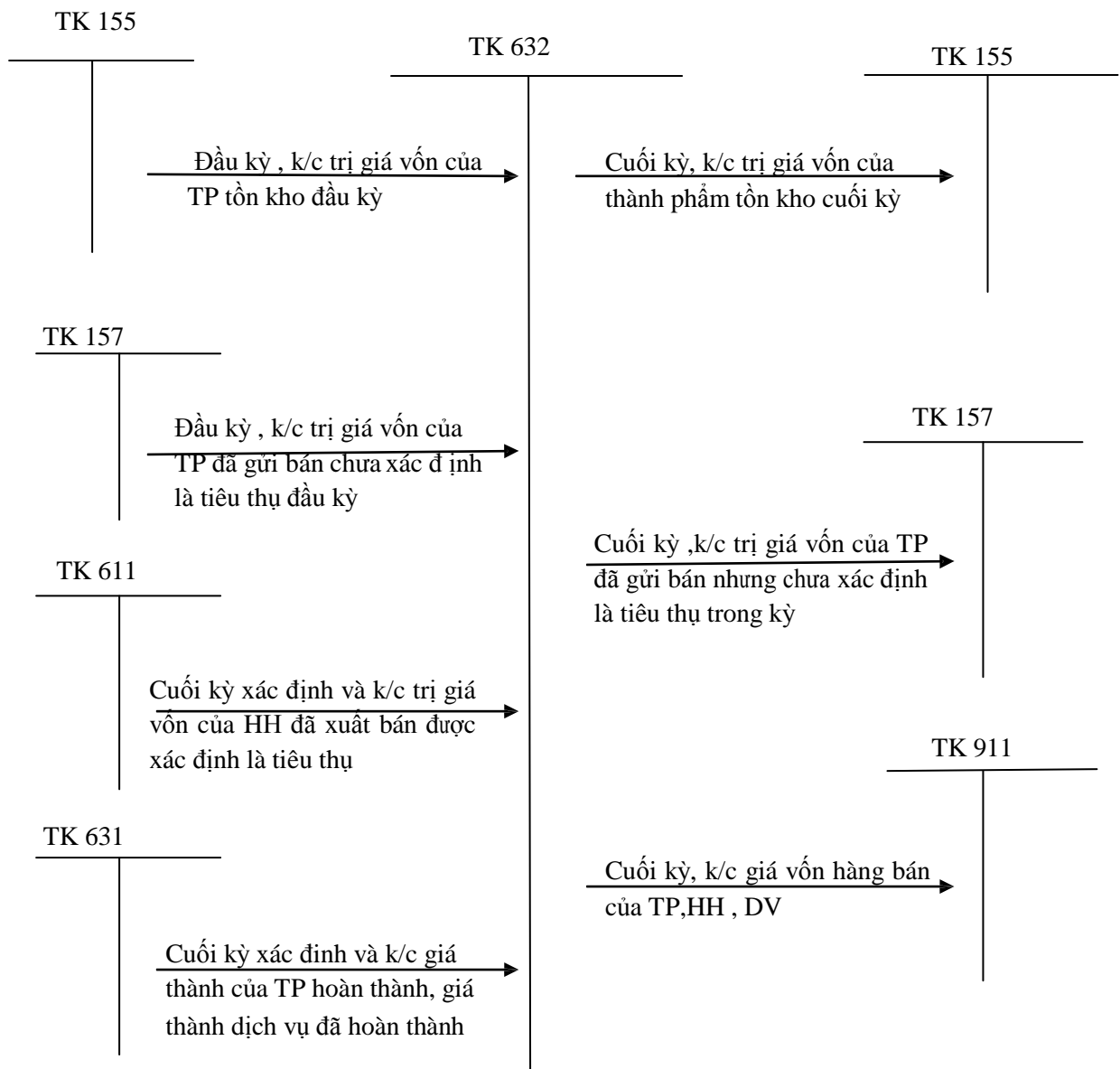
**Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155
- Kết chuyển trị giá hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK 157.
- Kết chuyển giá vốn hàng hoá, thành phẩm , dịch vụ đã xuất bán sang TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán*

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán (Phương pháp kiểm kê định kỳ)



*1.2.4: Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp*

*1.2.4.1: Kế toán chi phí bán hàng.*

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ lương và BHXH (mẫu số 1.1 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bảng kê thanh toán tạm ứng
- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ Tài khoản sử dụng

\*Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng” dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2 như sau

- TK 6411 : Chi phí nhân viên
- TK6412 : Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413 : Chi phí dụng cụ đồ dùng
- TK6414 : Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK6415 : Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418 : Chi phí khác bằng tiền

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 641*

**Bên Nợ**

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm

**Bên Có**

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán

Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ hoặc kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “Chi phí trả trước”

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

\* Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.5

1.2.4.2: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Căn cứ vào các bảng phân bổ (Bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và công cụ dụng cụ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ)

- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn thông thường

- Phiếu thu, phiếu chi

- Giấy báo nợ, giấy báo có

- Bảng kê thanh toán tạm ứng

- Các chứng từ khác có liên quan...

❖ Tài khoản sử dụng.

*Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”*

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2

TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý

TK 6422 : Chi phí vật liệu quản lý

TK 6423 : Chi phí đồ dùng văn phòng

TK 6424 : Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425 : Thuế, phí và lệ phí

TK 6426 : Chi phí dự phòng

TK 6427 : Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác

\* Nội dung và kết cấu tài khoản 642

### **Bên Nợ**

Tập hợp các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ

### **Bên Có**

- Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán.

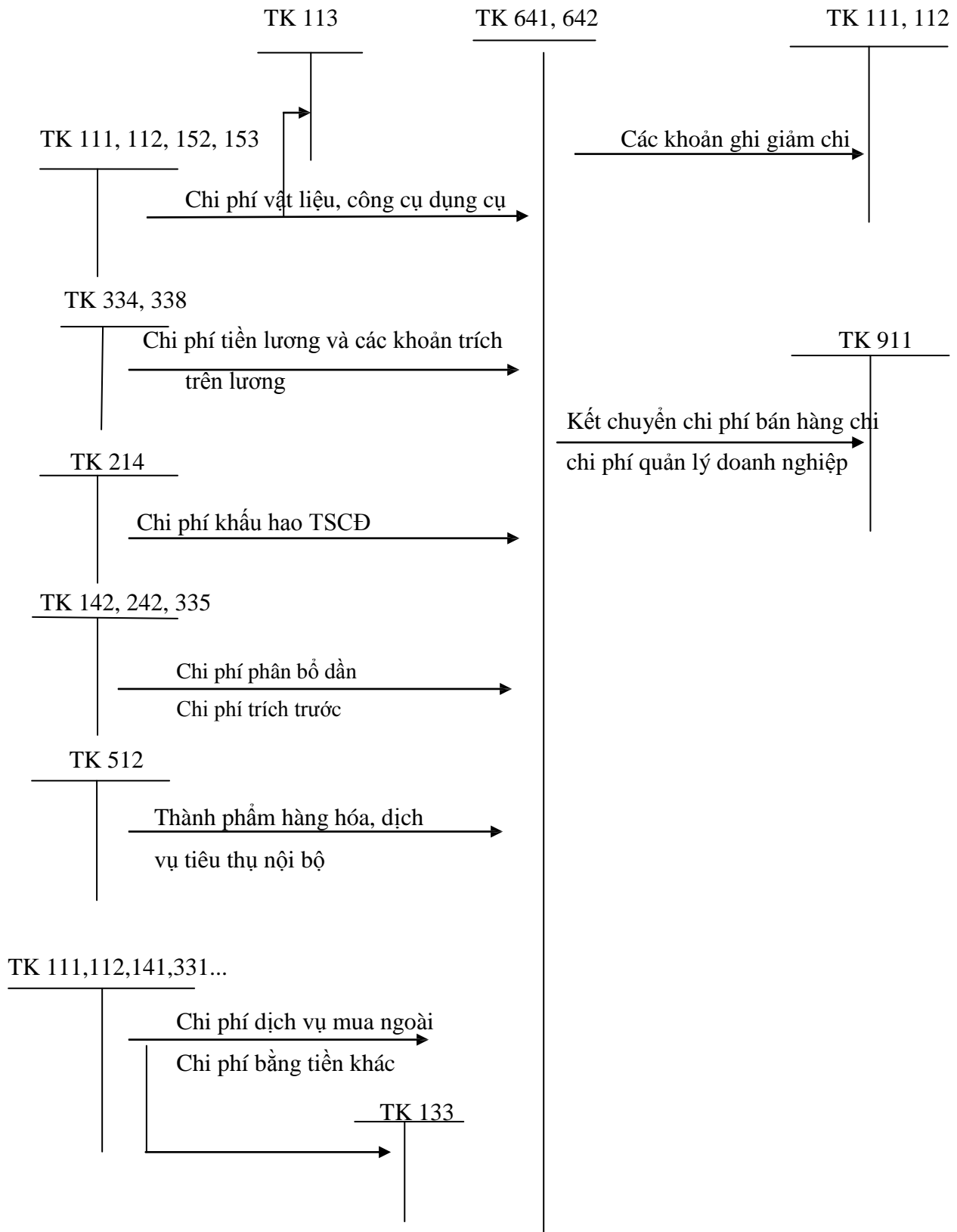
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 142 “chi phí trả trước” chờ phân bổ

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán*





Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

**1.2.5: Kế toán hoạt động tài chính**

**1.2.5.1: Kế toán doanh thu tài chính**

**❖ Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – “Doanh thu hoạt động tài chính” tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**\*Kết cấu và nội dung tài khoản 515**

**Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (Nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “xác định kết quả kinh doanh”

**Bên Có**

- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

**\*Phương pháp hạch toán: được thể hiện khái quát qua sơ đồ 1.6**

**1.2.5.2: Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

**❖ Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính” : Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn, liên doanh , lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ

**\*Kết cấu và nội dung tài khoản 635**

**Bên Nợ**

- Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Các khoản lỗ cho thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động) Đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

### **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ

Phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán: Được khái quát qua sơ đồ 1.6*

#### *1.2.6: Kế toán hoạt động khác*

##### *1.2.6.1: Kế toán thu nhập khác*

###### *❖ Tài khoản sử dụng*

TK 711 - "Thu nhập khác"

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ nay đòi được
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa,

sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có)

- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra,...

❖ *Chứng từ sử dụng*

Phiếu thu, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

\**Kết cấu nội dung tài khoản*

### **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có).
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911.

### **Bên Có**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
- Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.7*

1.2.6.2: Kế toán chi phí khác.

❖ *Tài khoản sử dụng*

*Tài khoản 811- “Chi phí khác”*

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;

- Các khoản chi phí khác.

❖ *Chứng từ sử dụng*

Phiếu chi, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

*\*Phương pháp hạch toán chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7*

*\*Kết cấu nội dung tài khoản :*

**Bên Nợ**

- Các khoản chi phí khác phát sinh

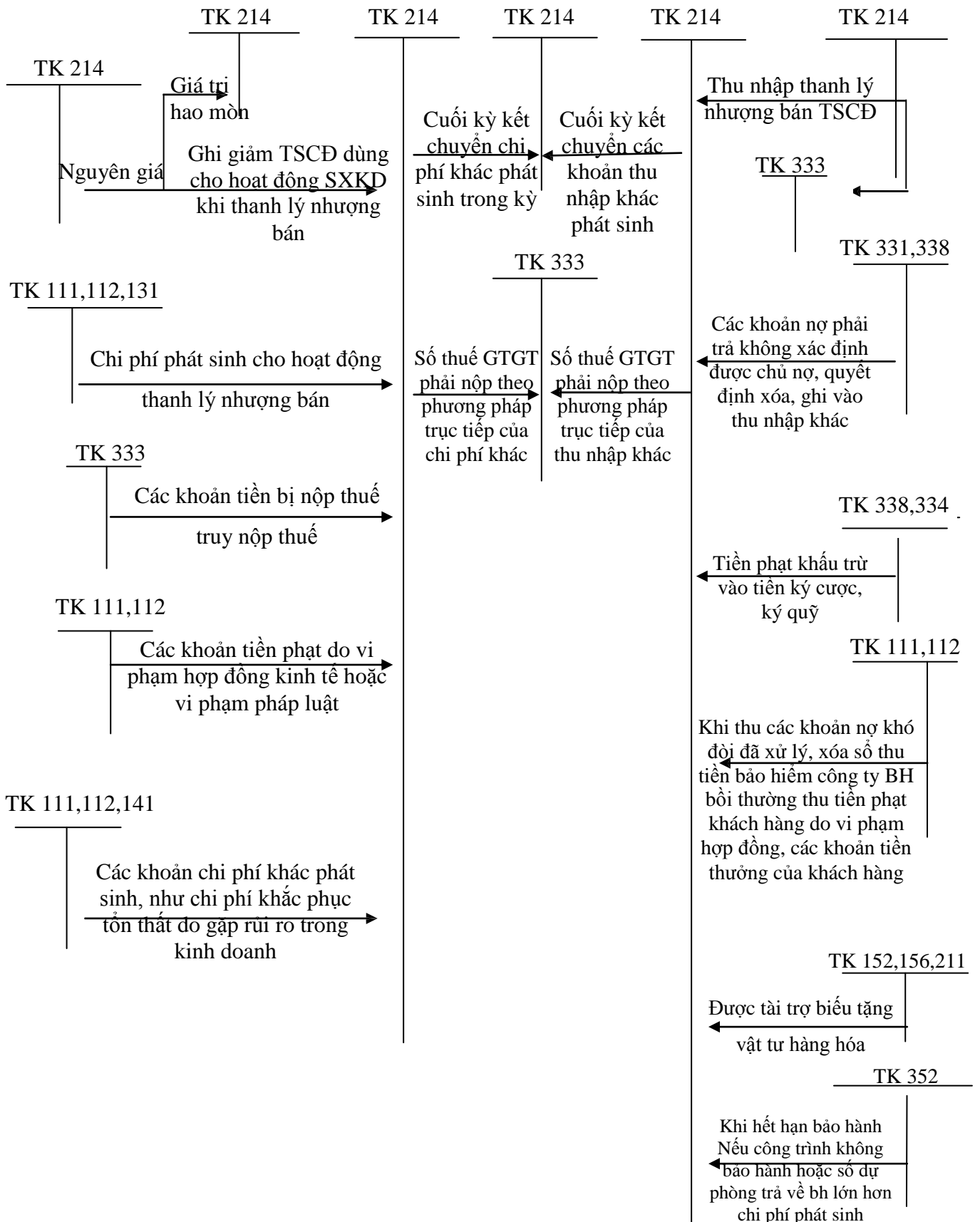
**Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.7*

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác, chi phí khác



**1.2.7: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Khái niệm* chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại ( hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại ) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

**1.2.7.1: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

**❖ Tài khoản sử dụng**

*\*Tài khoản 8211 : chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

*\*Kết cấu và nội dung tài khoản 811*

**Bên Nợ**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.

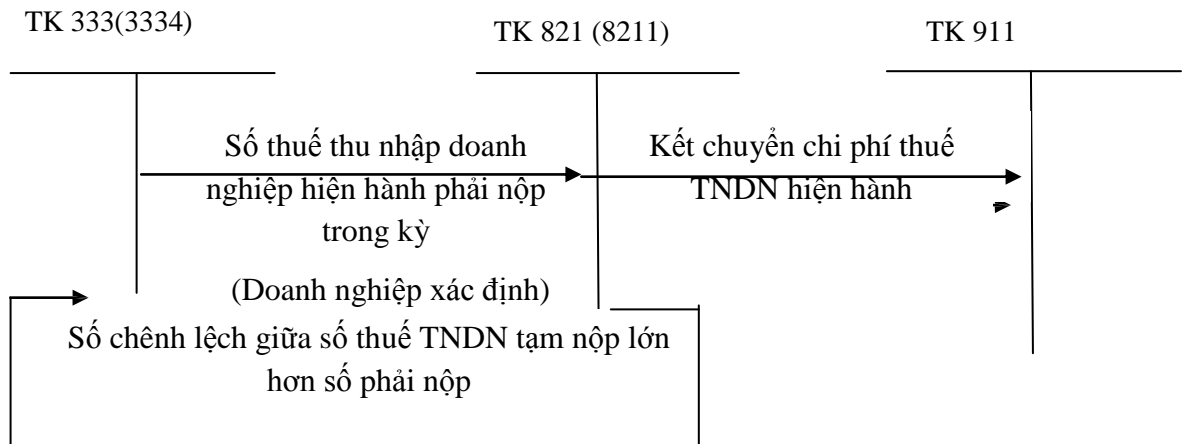
**Bên Có**

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại
- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành vào bên Nợ Tài khoản 911

Tài khoản 8211 không có số dư cuối kỳ

*\*Phương pháp kế toán: Được khái quát qua sơ đồ 1.8*

**Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**



**1.2.7.2: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

❖ *Tài khoản sử dụng*

*Tài khoản 8212 : Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

*\*Kết cấu và nội dung của tài khoản.*

**Bên Nợ**

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
- Số hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đã ghi nhận từ các năm trước (Là số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm).
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có tài khoản 8212 lớn hơn số phát sinh bên Nợ 8212- “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong năm vào bên Có tài khoản 911.



**Bên Có**

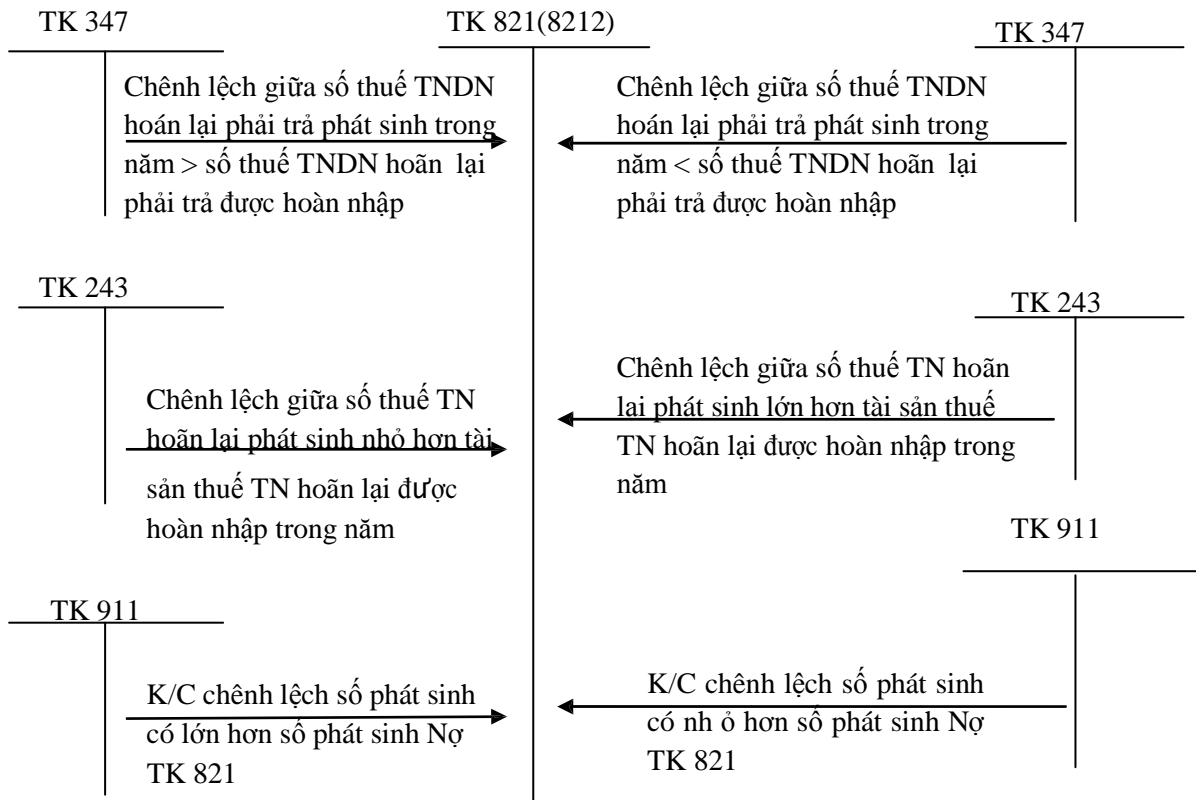
- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm.

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 “ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại “nhỏ hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 8212 không có số dư cuối kỳ

*Phương pháp kế toán: được khái quát qua sơ đồ 1.9*

**Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**



**1.2.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

<i>Doanh thu</i>	<i>Doanh thu</i>	<i>Chiết</i>	<i>Giảm</i>	<i>Hàng</i>	<i>Thuế tiêu thụ</i>
<i>thu</i>	<i>= bán hàng</i>	<i>- khấu</i>	<i>- giá</i>	<i>- bán bị</i>	<i>- đặc biệt, thuế</i>
<i>thuần</i>	<i>và cung cấp</i>	<i>thương</i>	<i>hàng</i>	<i>trả lại</i>	<i>xuất khẩu</i>
	<i>dịch vụ</i>	<i>mại</i>	<i>bán</i>		<i>(Nếu có)</i>

$$\begin{aligned}
 & \text{Lợi nhuận gộp từ} & & \text{Doanh thu bán hàng} \\
 & \text{hoạt động bán hàng} & = & \text{và cung cấp dịch vụ} & - & \text{Giá vốn hàng bán} \\
 & \text{và cung cấp dịch vụ} & & \text{thuần} & & 
 \end{aligned}$$

*Lợi nhuận thuần từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ* = *Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ* - *Chi phí hoạt động bán hàng* - *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động tài chính**

*Lợi nhuận từ hoạt động tài chính* = *Thu nhập hoạt động tài chính* - *Chi phí hoạt động tài chính*

➤ **Kết quả từ thu nhập hoạt động khác**

*Lợi nhuận từ hoạt động khác* = *Thu nhập từ hoạt động khác* - *Chi phí cho hoạt động khác*

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 911- “xác định kết quả kinh doanh”

**Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Số lãi trước thuế của hoạt động kinh doanh trong kỳ

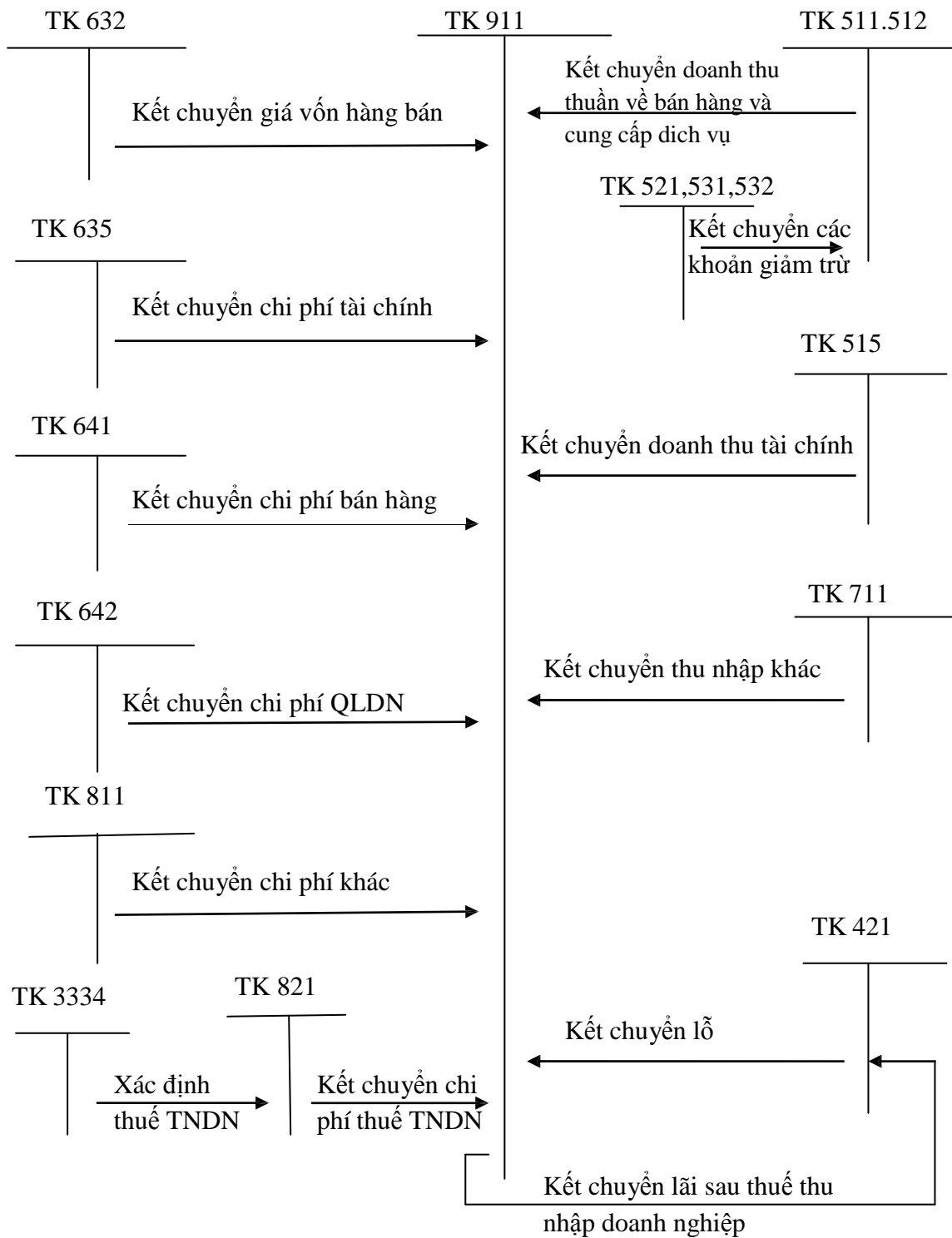
**Bên Có**

- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác
- Số lỗ của hoạt động kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

\**Phương pháp hạch toán: được khái quát qua sơ đồ 1.10*

Sơ đồ 1.10 : Kế toán xác định kết quả kinh doanh



### **1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

\*Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính. Trong mỗi hình thức sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, kết cấu, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

\*Tại công ty TNHH Tân Bình trình tự ghi sổ được ghi theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

\*Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau

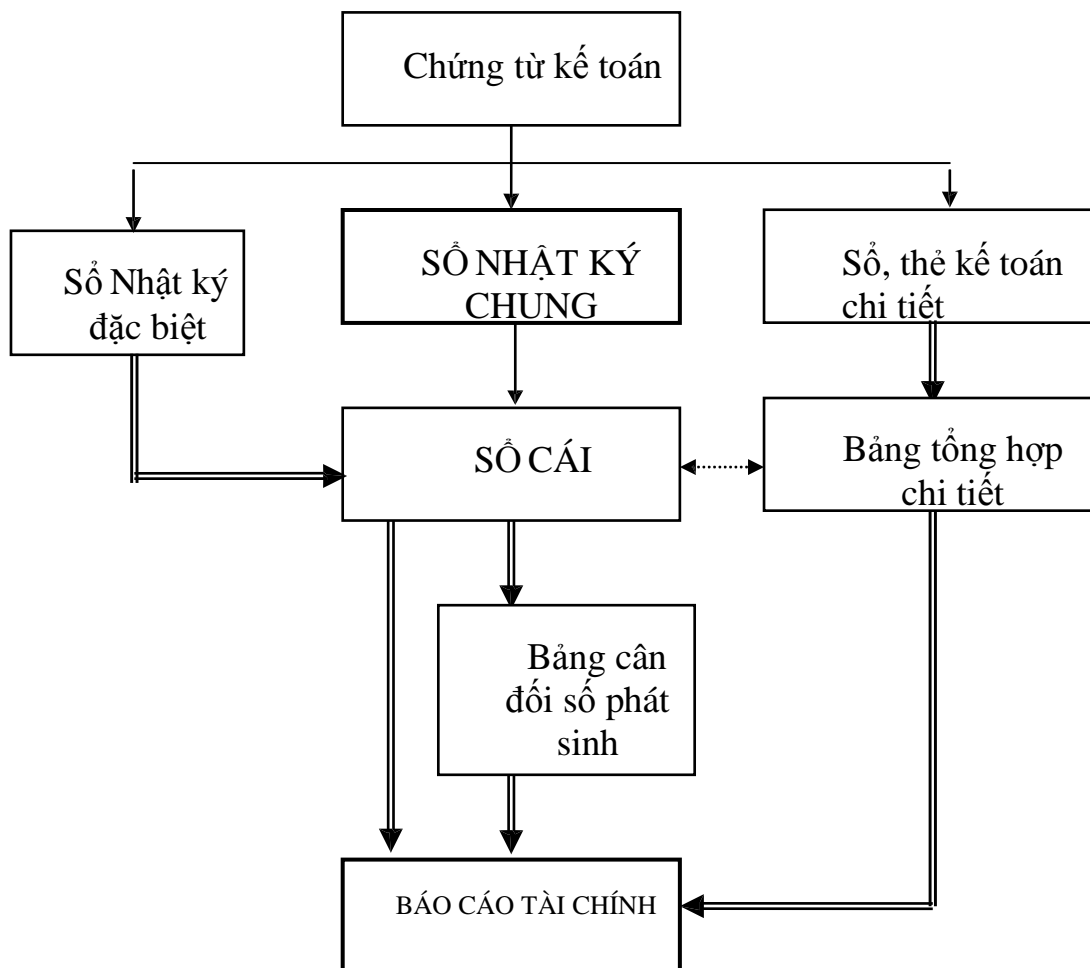
- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

#### **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra dung làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (Được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ sau



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng  $\Longrightarrow$

hoặc định kì

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH**

**2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Tân Bình:**

**2.1.1. Giới thiệu chung về công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TÂN BÌNH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAN BINH CO.,LTD

Công ty TNHH Tân Bình được thành lập từ ngày 24/10/1998.

Trụ sở chính: Số 56 Nguyễn Văn Linh - quận Lê Chân - TP Hải Phòng.

Chi nhánh: 39 Mai Văn Vinh - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 031.3735095/3641885

Fax: 031.3735109

Website: <http://www.tanbinhship.com>

Email: [tanbinhship@hn.vnn.vn](mailto:tanbinhship@hn.vnn.vn)



Logo:

Mã số doanh nghiệp: 0200288642

Đăng kí lần đầu: ngày 24 tháng 10 năm 1998

Đăng kí thay đổi lần 6: ngày 26 tháng 01 năm 2011

Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám mươi lăm tỷ đồng

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên: NGUYỄN KIM CHINH

Chức danh: Chủ Tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty

Danh sách thành viên góp vốn:

BÙI THỊ OANH	15.800.000.000	tỉ lệ: 18.59%
PHẠM THỊ MỪNG	17.200.000.000	tỉ lệ: 20.24%
NGUYỄN KIM CHINH	52.000.000.000	tỉ lệ: 61.18%

❖Ngành, nghề kinh doanh:

- Kinh doanh vận tải biển
- Dịch vụ môi giới hàng hải
- Môi giới và cho thuê thuyền viên
- Kinh doanh và dịch vụ xuất nhập khẩu

Công ty Tân Bình là một trong những Công ty tư nhân đầu tiên hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển quốc tế của Việt Nam. Từ ngày thành lập, Công ty không ngừng phát triển.

Đội tàu của công ty chủ yếu vận tải quốc tế. Công ty đang trong quá trình trẻ hoá đội tàu để ngày càng hoàn thiện chất lượng dịch vụ, tính cạnh tranh đáp ứng mọi nhu cầu vận chuyển của khách hàng.

Trong những năm qua, đội tàu của Công ty đã vẫn chuyển hàng triệu tấn hàng hoá, xây dựng mối quan hệ tốt với rất nhiều chủ hàng lớn trên thế giới.

Đội ngũ nhân viên công ty tận tình, kỹ năng chuyên nghiệp. Tất cả vì mục tiêu đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng.

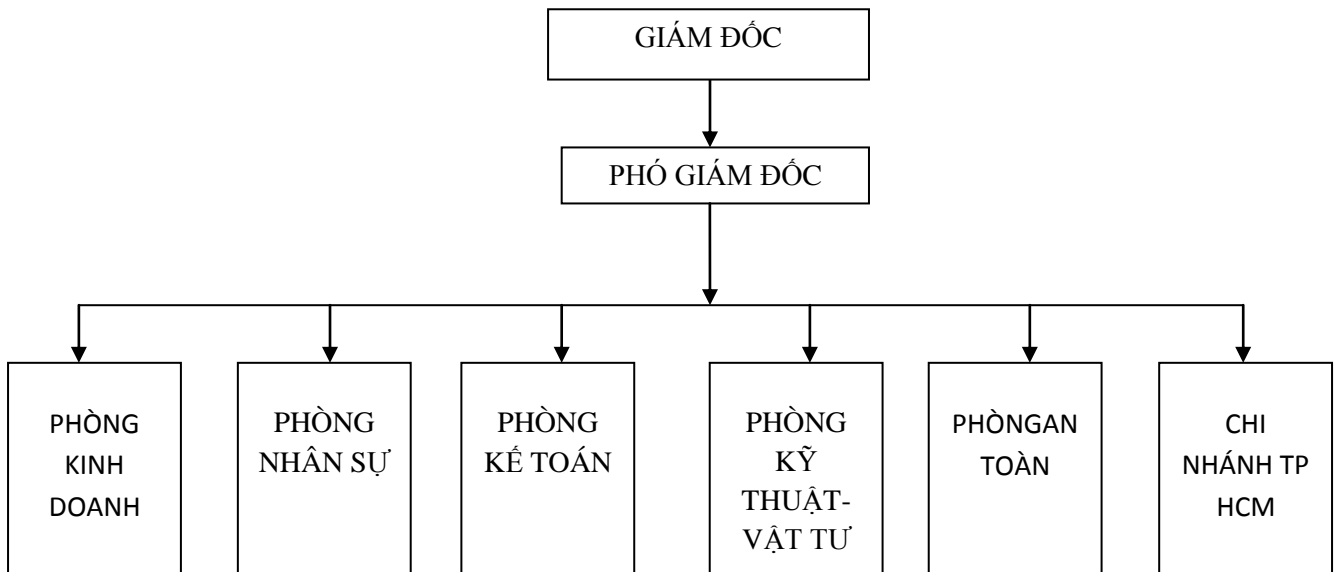
Ngoài dịch vụ vận tải, Công ty TNHH Tân Bình còn có các dịch vụ khác là đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới hàng hải, môi giới và cho thuê thuyền viên, mua bán tàu biển, kinh doanh và dịch vụ xuất nhập khẩu.

Với kinh nghiệm thực tế được hình thành qua nhiều năm hoạt động, công ty đã mang đến sự hài lòng cũng như sự thành công cho rất nhiều chủ hàng từ khi hoạt động đến nay.

### *2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty*



*\*Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy công ty TNHH Tân Bình*



**Ban Giám đốc :** Giám đốc Công ty TNHH TÂN BÌNH là người đại diện theo pháp luật của công ty, là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu sự giám sát trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó giám đốc, kế toán trưởng và các trưởng phòng ban nghiệp vụ là người giúp việc cho Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

**Phòng kinh doanh :** Là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp Giám đốc ký kết và thực hiện các hợp đồng trong lĩnh vực dịch vụ vận tải, xuất nhập khẩu và hợp đồng thương mại mua bán hàng hóa, giao nhận hàng hóa và các dịch vụ khác, đảm bảo chất lượng phục vụ uy tín và hoàn hảo.

**Phòng nhân sự:** Là phòng chức năng có nhiệm vụ quản lý lao động của Công ty theo quy định của luật Lao động phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty, quản lý công tác tổ chức nhân sự, tiền lương và các chế độ khác của người lao động, tham mưu cho Giám đốc trong việc tuyển dụng, đào tạo, quản lý thuyền viên, thuê và cho thuê thuyền viên.

Thực hiện các công tác quản trị hành chính công sở, văn thư lưu trữ, mua sắm văn phòng phẩm, quản lý đất đai, nhà cửa, cơ sở vật chất và trang thiết bị văn phòng làm việc của Công ty.

**Phòng kế toán :** Là phòng tham mưu cho Giám đốc trong công tác hạch toán, kế toán, quản lý tài chính đảm bảo nguồn vốn và tài sản của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển, xây dựng phương án và lộ trình tăng vốn phù hợp với sự phát triển của Công ty.

**Phòng kỹ thuật – vật tư :** Là phòng nghiệp vụ giúp Ban lãnh đạo Công ty về lĩnh vực quản lý kỹ thuật vật tư, nhiên vật liệu và an toàn hàng hải, xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu, vật tư và quy trình, quy phạm về quản lý kỹ thuật, bảo quản, bảo dưỡng, đảm bảo tình trạng của đội tàu luôn tốt, an toàn và đạt tiêu chuẩn của đăng kiểm Việt Nam và quốc tế. Ngoài ra, còn tham mưu cho Giám đốc ký kết và thực hiện các hợp đồng sửa chữa tàu cho các đơn vị ngoài.

**Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh :** Là cơ quan đại diện của Công ty tại khu vực phía Nam, thay mặt Công ty giải quyết các công việc về sản xuất, kinh doanh của Công ty tại TP. Hồ Chí Minh và các khu vực phụ cận. Chi nhánh vừa tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc hoạch định chiến lược phát triển của chi nhánh tại địa phương nơi đặt trụ sở và vừa tổ chức thực hiện các ngành nghề kinh doanh của chi nhánh theo giấy phép đăng ký kinh doanh để kinh doanh ngày càng hiệu quả.

Địa chỉ: 39 Mai Văn Vinh - Quận 7 - TP Hồ Chí Minh

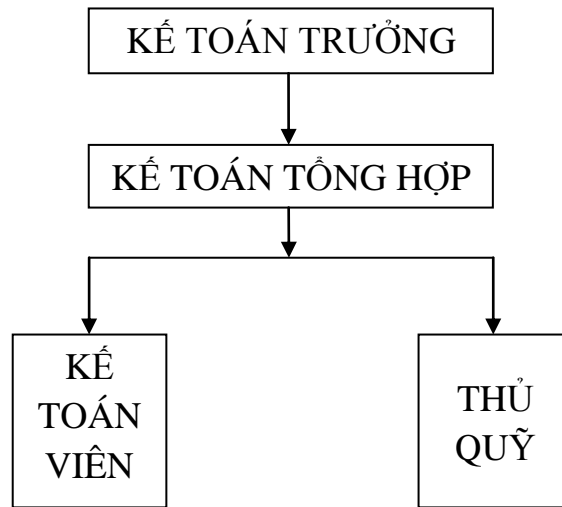
Tel: (+84-8) 4332356

Fax: (+84-8) 4332357

Email: [tanbinhshiphcm@vnn.vn](mailto:tanbinhshiphcm@vnn.vn)

2.1.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty :

\* Sơ đồ 2.2:



- **Kế toán trưởng** : Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán tại công ty làm bất cứ ở bộ phận nào. Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho kế toán tổng hợp, các kế toán viên và thủ quỹ.

- **Kế toán tổng hợp**: Thực hiện các phân hành kế toán, theo dõi thuế và các khoản nộp Nhà nước, lập danh mục và theo dõi phân bổ TSCĐ, CCDC, kiểm tra đối chiếu số liệu của các kế toán viên chuyển sang, thực hiện các bút toán kết chuyển cuối kỳ, lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

- **Kế toán viên** : Thu thập thông tin về các hoạt động kinh tế, tài chính phát sinh ở đơn vị vào chứng từ kế toán, ghi sổ kế toán, tổng hợp làm báo cáo kế toán.

- **Thủ quỹ** : Chịu trách nhiệm về các khoản thu chi tiền mặt, phải có chứng từ hợp lệ chứng minh, chứng từ phải có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và Kế toán trưởng.

*2.1.4. Các chính sách kế toán chung:*

- Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính

và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

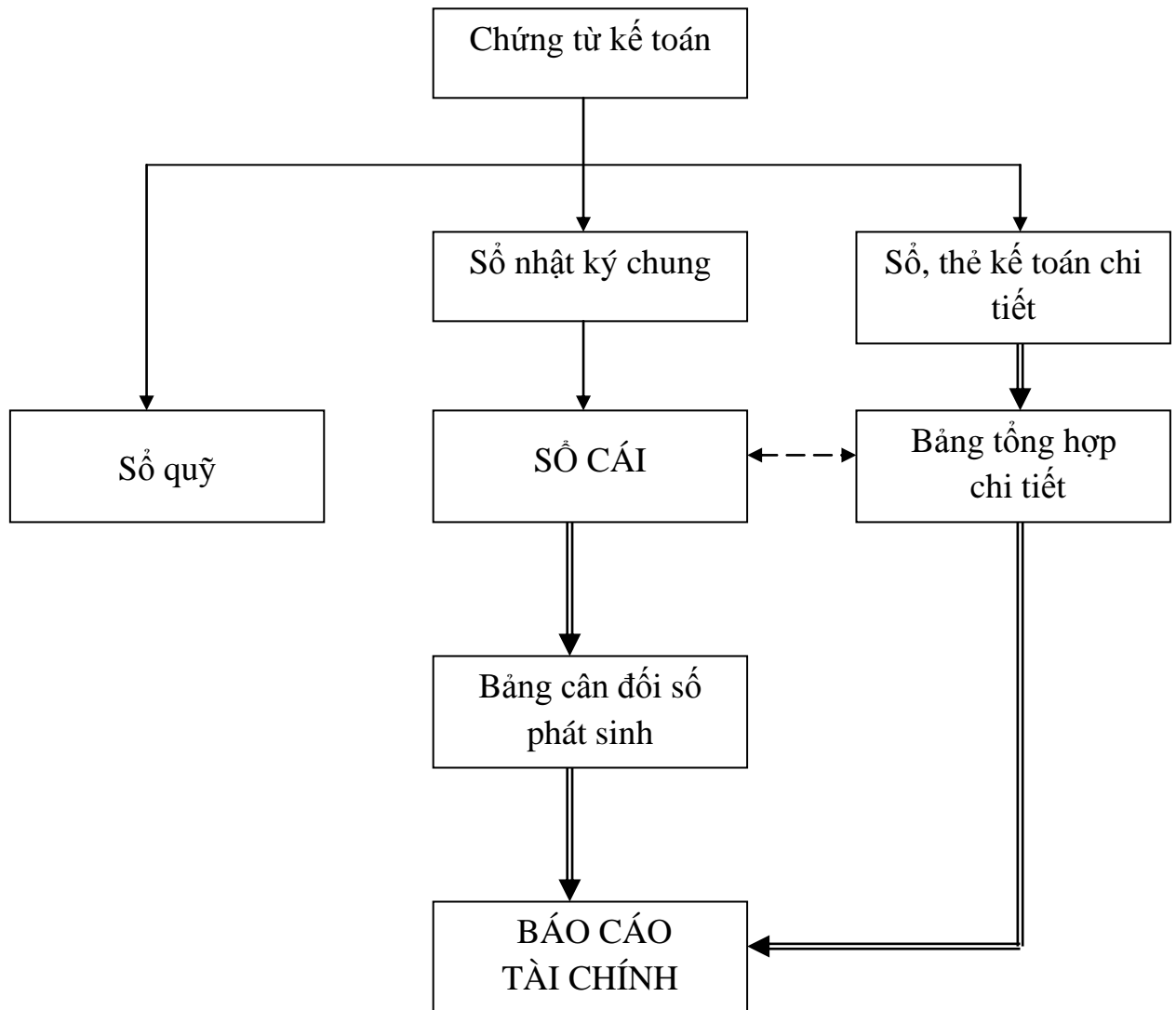
+ Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã được công bố.  
+ Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

- Hình thức kế toán áp dụng : nhật kí chung
- Phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho : giá đích danh.
- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ : giá trị còn lại.
- Phương pháp khấu hao : đường thẳng.
- Kỳ kế toán : 01/01/N đến 31/12/N.
- Đơn vị tiền tệ : VNĐ. Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

\*Hệ thống báo cáo kế toán :

- Báo cáo quyết toán thuế
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

\*Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật Ký Chung



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

- Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết. Từ sổ nhật ký chung kế toán tiến hành ghi vào các sổ cái có liên quan.

- Cuối quý từ sổ cái các tài khoản liên quan kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi khóa sổ đối chiếu số liệu giữa các sổ sách, kế toán

căn cứ vào số liệu trong các sổ để tiến hành lập báo cáo tài chính của kỳ kế toán.

**2.2:Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình:**

*2.2.1: Kế toán doanh thu dịch vụ vận tải tại công ty TNHH Tân Bình*

Vận tải biển là hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty. Bên cạnh đó , công ty cũng cung ứng các dịch vụ hàng hải liên quan như đại lý, bốc xếp hàng hoá chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng góp phần đa dạng hàng hoá dịch vụ, cung cấp từ việc vận chuyển hàng hóa trong và ngoài nước.

Sản phẩm vận tải của công ty được xác định dựa trên hai chỉ tiêu

- Khối lượng hàng hóa vận chuyển : đơn vị tính là Tấn
- Khối lượng luân chuyển : đơn vị tính Tấn km

Sản phẩm của công ty được bán chủ yếu theo phương thức trực tiếp, phương thức trả chậm.

Giá bán của sản phẩm xác định theo từng đơn đặt hàng để bù đắp được chi phí bỏ ra và căn cứ trên giá thị trường của sản phẩm.

Doanh thu vận tải = Giá cước/ tấn x Số tấn vận chuyển thực tế.

Đối với vận chuyển tuyến nước ngoài thì không phụ thuộc loại hàng hóa có chịu thuế GTGT hay không. Khi vận chuyển theo tuyến nước ngoài thuế GTGT phải chịu là 0%. Đối với vận chuyển tuyến nội địa và các dịch vụ tuyến nội địa đều là sản phẩm hàng hoá chịu thuế GTGT với mức thuế suất là 5%.

❖*Tài khoản sử dụng.*

- TK 511(5113): Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 111, 112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu của khách hàng

Và các tài khoản khác có liên quan

❖*Chứng từ sử dụng*

- Công ty cổ phần TNHH Tân Bình là một doanh nghiệp thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ do đó chứng từ gốc được

công ty sử dụng chủ yếu trong kế toán doanh thu bán hàng là hóa đơn GTGT hóa đơn được lập thành 3 liên.

Liên 1 :màu tím lưu lại phòng kế toán quyền hóa đơn.

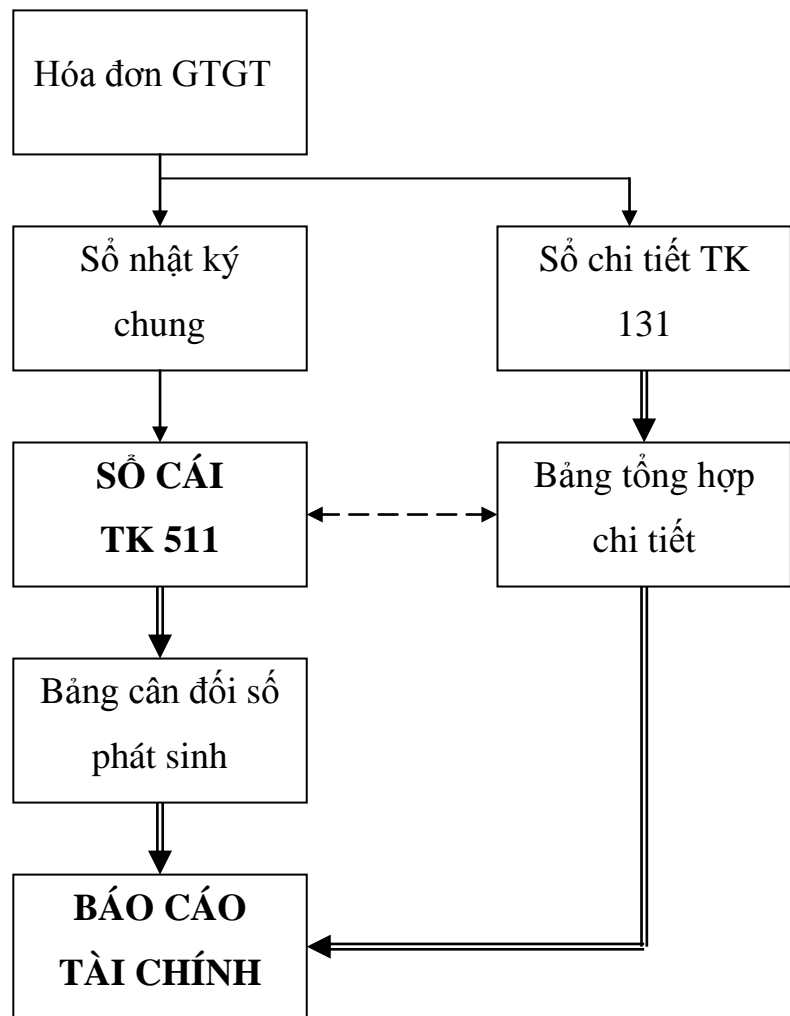
Liên 2 :màu đỏ giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa.

Liên 3 :màu xanh lưu hành nội bộ dùng để thanh toán.

- Chứng từ xác nhận khối lượng vận chuyển, vận đơn.

*\*Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

**Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

*Quy trình hạch toán:*

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK511, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,511,333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC.

**Ví dụ :**

*Ngày 14/12/2011 công ty hợp đồng vận chuyển than tới cảng Mumbai của Ấn Độ. Từ hoá đơn giá trị gia tăng số 0055174 (biểu số 01).*

*Tổng giá trị 91.350.00USD, hay 1.850.751.400 đồng. Công ty quy đổi USD ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm giao dịch.*

Từ hóa đơn giá trị gia tăng, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 02) đồng thời ghi vào chi tiết TK131(biểu số 05) căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511 (biểu số 03) sổ cái TK131(biểu số 04).

Cuối quý căn cứ vào sổ chi tiết TK131 lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng (biểu số 06), từ sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.



**Biểu số 01: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT -3LL		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			<b>KX/2011B</b>		
Liên 3: Nội bộ			<b>0055174</b>		
Ngày 14 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng:		CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH			
Địa chỉ:		.....			
Số tài khoản:		56 NGUYỄN VĂN LINH LÊ CHÂN HẢI PHÒNG			
Điện thoại:		MST: 0200288642			
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: ..... Bunge London Ltd.....					
Địa chỉ: .....					
Số tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán:..... Chưa thanh toán.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Ovan freight for Tan Binh 39 shipping coal in bulk Mubai	Tấn	4.500	20.3	91.350.00
Cộng tiền hàng:					91.350.00
Thuế GTGT: 0 %		Tiền thuế GTGT:			
Tổng cộng tiền thanh toán					91.350.00
Số tiền viết bằng chữ: <i>US dollare ninety-one thousand three hundred and fifty</i>					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

**Biểu số 02:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

*Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011*

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....		.....	.....	.....	.....
55167	30/11/2011	Cước v/c thép tàu Tân Bình 24	131	511	584.500.000
55167	30/11/2011	Thuế gtgt đầu ra	131	333	29.225.000
55168	01/12/2011	Cước v/c đường tàu Tân Bình 30	131		1.568.925.720
.....		.....	.....	.....	.....
<b>55174</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>Cước v/c than tàu Tân Bình 39</b>	<b>131</b>	<b>511</b>	<b>1.850.751.400</b>
BC162	15/12/2011	Tổng công ty lương thực miền Nam chuyển trả tiền	112	131	2.215.600.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PKT125</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển quý IV</b>	<b>511</b>	<b>911</b>	<b>9.562.273.526</b>
		<b>Cộng</b>			<b>125.652.456.560</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 03:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 511**

**Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

***Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011***

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu quý</b>			
55167	30/11/2011	Doanh thu cước tàu Tân Bình 24	131		584.500.000
55168	01/12/2011	Doanh thu cước tàu Tân Bình 30	131		1.568.925.720
.....	....	.....	.....	.....	
<b>55174</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>Doanh thu cước tàu Tân Bình 39</b>	<b>131</b>		<b>1.850.751.400</b>
55175	15/12/2011	Doanh thu cước tàu Tân Bình 23	112		1.654.769.546
.....	....	.....	.....	.....	.....
<b>PKT125</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Kết chuyển quý IV 511 =&gt;911</b>	<b>911</b>	<b>9.562.273.526</b>	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>9.562.273.526</b>	<b>9.562.273.526</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 04:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 131**

**Tên tài khoản: Phải thu khách hàng**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu quý</b>		<b>1.452.750.000</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
55167	30/11/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 24	511	584.500.000	
55168	01/12/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 30	511	1.568.925.720	
.....	.....	.....	.....	.....	
<b>55174</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>cước vận chuyển tàu Tân Bình 39</b>	<b>511</b>	<b>1.850.751.400</b>	
55176	16/12/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 26	511	3.443.961.694	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>15.682.450.624</b>	<b>13.456.853.400</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		<b>3.678.347.224</b>	

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 05:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán**

**TK:131**

**Đối tượng: Công ty Bunge London LTD**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	C
		<b>Số dư đầu quý</b>				-	-
55068	4/10/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 16	511	1.369.052.450		1.369.052.450	
55072	7/10/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 9	511	1.568.925.720		2.937.978.170	
.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>55174</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>cước vận chuyển tàu Tân Bình 39</b>	<b>511</b>	<b>1.850.751.400</b>		<b>1.850.751.400</b>	
55180	18/12/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 22	511	1.524.961.750		3.375.713.150	
.....	.....	.....	...	....	.....	.....	.....
BC 170	20/12/2011	Trả tiền theo hóa đơn 55174	112		1.850.751.400	2.208.572.509	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>8.024.362.560</b>	<b>7.035.569.500</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>188.793.060</b>	-

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 06:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**Bảng tổng hợp thanh toán với người mua, người bán  
TK:131**

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty sản xuất thiết bị cơ điện Việt - Pháp			525.600.000	233.850.000	256.750.000	
2	<b>Công ty Bunge London LTD</b>			<b>8.024.362.560</b>	<b>7.035.569.500</b>	<b>188.793.060</b>	
3	Tổng công ty lương thực miền Nam			985.200.000	728.900.000	256.300.000	
4	United Ovean shipping	256.400.000		3.522.300.000	2.962.200.000	1.160.100.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	
	<b>Cộng</b>	<b>1.452.750.000</b>		<b>15.682.450.624</b>	<b>13.456.853.400</b>	<b>3.678.347.224</b>	<b>936.802.759</b>

**2.2.2: Kế toán giá vốn hàng bán**

Đồng thời với việc ghi nhận doanh thu là ghi nhận giá vốn hàng bán. Với ngành vận tải và dịch vụ sản phẩm được hoàn thành và bàn giao ngay mà không nhập lại kho. Công ty thực hiện theo đơn đặt hàng nên giá vốn của sản phẩm chính là tổng các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hoá.

Đối với doanh thu bán hàng: Giá vốn là toàn giá mua và chi phí liên quan đến hàng hoá đó kể cả chi phí bán hàng

Giá vốn hàng hóa của công ty được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Phương pháp này phù hợp với quá trình hoạt động của công ty, đảm bảo tính kịp thời của thông tin kinh tế, khối lượng công việc.

**❖ Tài khoản sử dụng:**

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 632: Giá vốn hàng bán

- Và các tài khoản có liên quan khác như: 621,622,627....

**❖ Chứng từ sử dụng:**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao.

- Bảng lương

- Phiếu chi

- Và các chứng từ liên quan.....

**❖ Sổ sách liên quan:**

- Sổ cái TK 632, TK154...

Trong năm công ty vận chuyển khối lượng lớn hàng hoá. Giá vốn của hàng hoá là toàn bộ chi phí liên quan đến hàng hoá đó như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621), Chi phí nhân công trực tiếp (TK 622), chi phí sản xuất chung(TK 627). Cuối kỳ được kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí sang tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Nợ TK 154

Có TK 621, 622, 627

Do công ty hoạt động trên lĩnh vực vận tải nên không có sản phẩm dở

dang.

Căn cứ vào các chứng từ kết chuyển kế toán ghi nhận

Nợ TK 632

Có TK 154

*\*Quy trình hạch toán kế toán giá vốn hàng bán:*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chủ yếu là dầu diesel được kế toán tập hợp vào TK 621 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển.

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương của thuyền viên được hạch toán vào TK 622 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành dịch vụ vận chuyển.

Chi phí sản xuất chung của Công ty bao gồm: chi phí sửa chữa, chi phí khấu hao... được tập hợp vào TK 627 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết

**Ví dụ:**

*Căn cứ vào các chứng từ liên quan như bảng tính phân bổ khấu hao, bảng lương, phiếu xuất, hóa đơn GTGT. Trong quý IV năm 2011 tại công ty TNHH Tân Bình có các chi phí phát sinh được tập hợp như sau:*

CPNVLTT: 3.502.678.300

CPNCTT: 803.720.600

CPSXC: 2.559.760.038

*Cuối quý IV kế toán tiến hành kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK632 để xác định giá vốn dịch vụ vận chuyển. Kế toán ghi vào các sổ sách liên quan theo định khoản sau:*

Nợ TK154 : 6.866.158.938

Có TK621 : 3.502.678.300

Có TK622 : 803.720.600

Có TK627 : 2.559.760.038

Nợ TK632 : 6.866.158.938

Có TK154 : 6.866.158.938



Từ bút toán trên kế toán vào sổ nhật ký chung ( Biểu số 07). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK154 (Biểu số 08), sổ cái TK632 (Biểu số 09)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 122

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK154			
1	K/C chi phí NVLTT	154	621	3.502.678.300
2	K/C chi phí NCTT	154	622	803.720.600
3	K/C chi phí SXC	154	627	2.559.760.038
	Tổng			6.866.158.938

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 123

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK154			
1	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	632	154	6.866.158.938
	Tổng			6.866.158.938

**Biểu số 07:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....		.....	.....	.....	.....
BC162	15/12/2011	Tổng công ty lương thực miền Nam chuyển trả tiền	112	131	2.215.600.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT115	31/12/2011	Chi phí nhân công trực tiếp T12	622	334	267.906.867
PKT122	31/12/2011	K/C chi phí NVLTT quý IV	154	621	3.502.678.300
PKT122	31/12/2011	K/C chi phí NCTT quý IV	154	622	803.720.600
PKT122	31/12/2011	K/C chi phí SXC quý IV	154	627	2.559.760.038
PKT123	31/12/2011	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	632	154	6.866.158.938
PKT126	31/12/2011	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	911	632	6.866.158.938
		<b>Cộng</b>			<b>125.652.456.560</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 08:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 154**

**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
PKT122	31/12/2011	K/C chi phí nguyên nhiên liệu quý IV	621	3.502.678.300	
PKT122	31/12/2011	K/C chi phí nhân công trực tiếp quý IV	622	803.720.600	
PKT122	31/12/2011	K/C chi phí sản xuất chung quý IV	627	2.559.760.038	
PKT123	31/12/2011	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	632		6.866.158.938
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>6.866.158.938</b>	<b>6.866.158.938</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		-	-

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 09:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 632**

**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	T K đ i	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
PKT123	31/12/2011	Tập hợp giá vốn dịch vụ vận chuyển quý IV	154	6.866.158.938	
PKT126	31/12/2011	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	911		6.866.158.938
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>6.866.158.938</b>	<b>6.866.158.938</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		-	-

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Công ty TNHH Tân Bình là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải biển nên chi phí bán hàng là hoa hồng phí phải trả cho người môi giới được ghi trong hợp đồng vận chuyển.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp và chứng từ hợp lệ, đầy đủ.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTGT)
- Các chứng từ khác có liên quan.

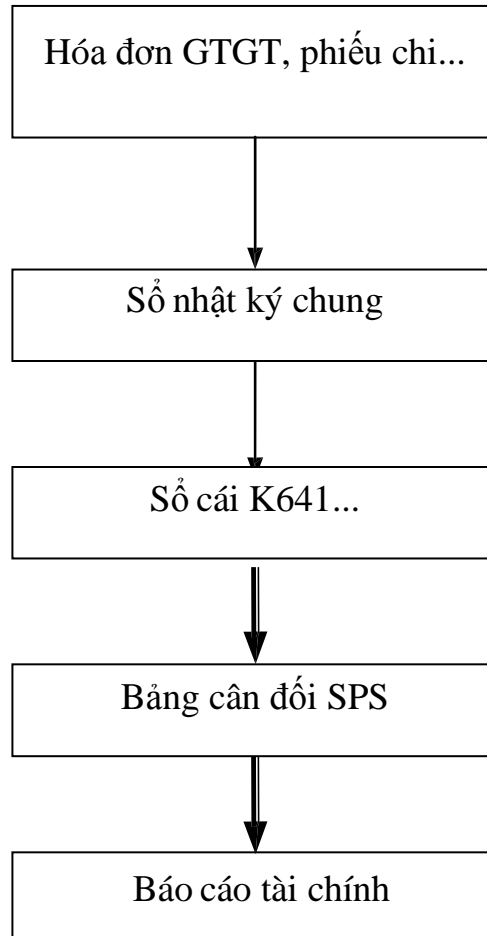
❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 641- Chi phí bán hàng.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản

❖ **Quy trình hạch toán:**

**Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối quý : ⇒

Dựa vào chứng từ gốc như hợp đồng kinh tế, phiếu chi, uỷ nhiệm chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,641,133...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

**Ví dụ:**

*Từ hợp đồng vận chuyển hàng cho Bunge London LTD tới cảng của Mubai Ấn Độ. Hoa hồng phí được ghi rõ trong hợp đồng. Kế toán tiến hành vào phiếu kế toán, sau đó vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 10) và sổ cái TK 641 (Biểu số 11)*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Họ tên người mua hàng :

Đơn vị: Bunge London LDT

Địa chỉ:

TK có 131 : Phải thu khách hàng

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK131			
1	Hoa hồng phí tàu Tân Bình 39	641	131	40.526.350
	Tổng			40.526.350

**Biểu số 10:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....		.....	.....	.....	.....
PC12/12	14/12/2011	Trả tiền điện	6422	111	1.124.651
PC12/12	14/12/2011	Thuế gtgt đầu vào	133	111	112.465
<b>PC14/12</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>Trả cước điện thoại tháng 11</b>	<b>6422</b>	<b>111</b>	<b>1.560.303</b>
<b>PC14/12</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>Thuế gtgt đầu vào</b>	<b>133</b>	<b>111</b>	<b>156.030</b>
.....		.....	.....	.....	.....
PKT120	31/12/2011	Lương bộ phận quản lý tháng 12	6422	334	102.920.000
PKT121	31/12/2011	Trích lương CNV đóng BHXH	334	338	1.890.000
PKT121	31/12/2011	BHXH tính vào chi phí	6422	338	4.780.000
.....		.....	.....	.....	.....
<b>PC55/12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Hoa hồng phí tàu Tân Bình 39</b>	<b>641</b>	112	<b>40.526.350</b>
PC56/12	31/12/2011	Hoa hồng phí tàu Tân Bình 22	641	112	18.552.640
.....		.....	.....	.....	.....
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí bán hàng quý IV	911	641	55.972.800
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí quản lý quý IV	911	642	408.338.008
		<b>Cộng</b>			<b>125.652.456.560</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 11:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
**Số hiệu TK: 641**  
**Tên tài khoản: Chi phí bán hàng – Tàu Tân Bình 39**  
**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PC55/12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Hoa hồng phí tàu Tân Bình 39</b>	<b>112</b>	<b>40.526.350</b>	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí bán hàng quý IV	911		40.526.350
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>40.526.350</b>	<b>40.526.350</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		-	-

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 12:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 641**

**Tên tài khoản: Chi phí bán hàng**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC 22/12	24/12/2011	Hoa hồng phí tàu Tân Bình 24	112	20.560.000	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>PC55/12</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Hoa hồng phí tàu Tân Bình 39</b>	<b>112</b>	<b>40.526.350</b>	
PC56/12	31/12/2011	Hoa hồng phí tàu Tân Bình 22	112	18.552.640	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí bán hàng quý IV	911		956.300.542
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>956.300.542</b>	<b>956.300.542</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### 2.2.4 :Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.

Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

##### ❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi (mẫu số 02TT- BTC)
- Hoá đơn GTGT (mẫu 01 - GTKT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02 - GTGT)
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương (Mẫu số 02-LĐTL)
- Các chứng từ khác có liên quan.

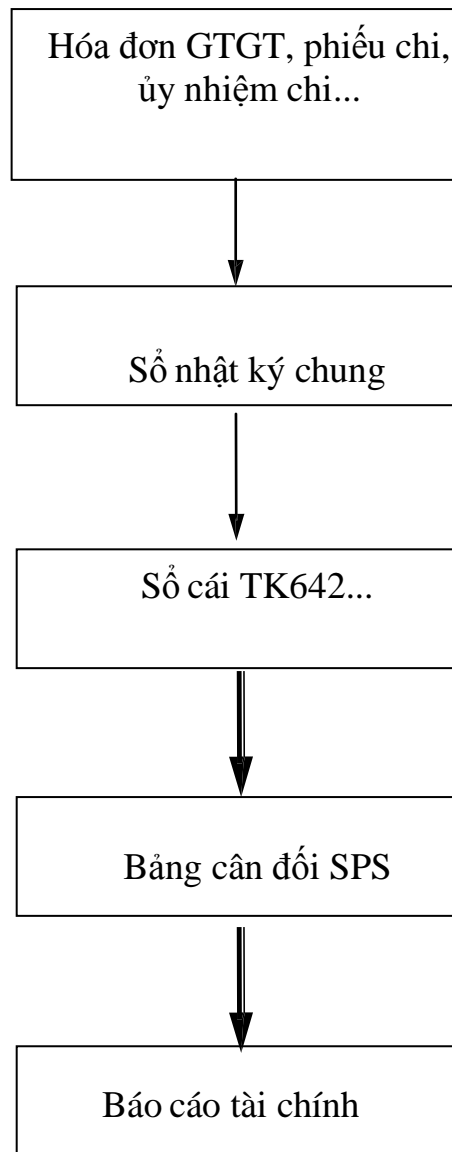
##### ❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...

##### ❖ **Quy trình hạch toán**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối quý ==>

- Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111,112,642,133...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

**Ví dụ :**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0555878 và phiếu chi số 14/12 ngày 14/12/2011 về việc thanh toán tiền điện thoại tháng 11. Kế toán ghi sổ theo định

khoản:	Nợ TK 642	: 1.560.303
	Nợ TK 133	: 156.030
	Có TK 111	: 1.716.333

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 10), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642 (Biểu số 14) và sổ cái TK133, TK111

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Biểu số 13:**



**HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)  
Liên 2: Giao khách hàng**

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03  
Ký hiệu: AC/2011T  
Số: 0555878

Mã số:  
TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray  
Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH Tân  
Bình  
Mã số: 0200761516  
Địa chỉ (address): Số 56 – Nguyễn Văn Linh - Lê Chân – Hải Phòng  
Số điện thoại (tel): 031.3735095 .....Mã số  
(code).....  
Hình thức thanh toán (kind of  
payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)		Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2011		1.560.303
a, Cước dịch vụ viễn thông		0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế		0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ		0
d, Khuyến mại		0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ		
(a+b+c+d)	Cộng tiền dịch vụ(1)	1.560.303
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT (2)	156.03
(1+2+e)	Tổng cộng tiền thanh toán	1.716.33

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm ba mươi ba đồng  
Ngày...tháng...năm...  
Người nộp tiền ký Nhân viên giao dịch ký

**Biểu số 14:**

CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH

Mẫu số 02 - TT

Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

**Phiếu Chi số: PC 14/12**

*Ngày 14 tháng 12 năm 2011*

**TK ghi nợ: 642,133**

**TK ghi có: 1111**

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Thủy

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2011

Số tiền: 1.716.333

Bằng chữ: Một triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm ba mươi ba đồng

Kèm theo ..01..... chứng từ gốc HĐ 0555878

*Ngày 14 tháng 12 năm 2011*

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nhận tiền	Người lập biểu	Thủ quỹ
(ký,họ tên)	(ký,họ tên)	( ký, họ tên)	(ký,họ tên)	( ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+Tỷ giá ngoại tệ ( vàng, bạc, đá quý).....

+Số tiền quy đổi .....

**Biểu số 15:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC12/12	14/12/2011	Trả tiền điện tháng 11	111	1.124.771	
<b>PC14/12</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>Trả cước điện thoại tháng 11</b>	<b>111</b>	<b>1.560.303</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT120	31/12/2011	Lương bộ phận quản lý tháng 12	334	102.920.000	
PKT121	31/12/2011	BH tính vào chi phí	338	4.780.000	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí quản lý quý IV	911		508.263.700
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>508.263.700</b>	<b>508.263.700</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



### **2.2.5: Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần thương mại Vận tải HP**

#### **2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty TNHH Tân Bình thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- Các tài khoản khác có liên quan

#### **2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi cho tài chính, các khoản lỗ về đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả. Trong năm 2011 công ty TNHH Tân Bình có khoản chi phí tài chính chủ yếu là khoản lãi vay phải trả

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

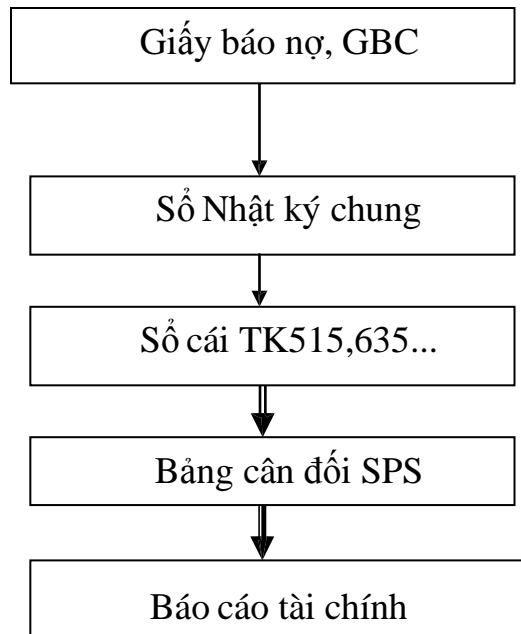
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- Các tài khoản có liên quan khác

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

⇒ Ghi cuối quý

- Hàng ngày, căn cứ vào GBN, GBC, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK515, TK635, TK112

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

**Ví dụ 1:**

Căn cứ vào giấy báo có số 170 ngày 31/12/2011 ngân hàng Techcombank về việc nhận lãi tiền gửi và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 112 : 2.552.600

Có TK 515: 2.552.600

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (Biểu số 17). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK515 (Biểu số 18)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

**Ví dụ 2:**

Căn cứ vào giấy báo nợ số 158 ngày 23/12/2011 ngân hàng Techcombank về việc nhận trả lãi tiền vay và các chứng từ có liên quan Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 635 : 10.330.000

Có TK 112: 10.330.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung (Biểu số 17). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK635 (Biểu số 19)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK635 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC

**Biểu số 16:**

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THƯƠNG VIỆT  
NAM  
HPG-TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004



Theo công văn số  
21208/CT/AC  
Cục thuế Hà Nội

**PHIẾU BÁO CỐ**

*Trang 1/1*

*Ngày .31.. tháng ...12 năm 2011*

Kính gửi : CT TNHH TAN BINH  
Địa chỉ : SO 56 NGUYEN VAN LINH HAI PHONG  
Mã số thuế: 0200288642  
Số ID khách hàng: 20016596

Số tài khoản :109.20016596.01.5  
Loại tiền : VND  
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN  
Giao dịch: 170

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	2.552.600,00
Tổng số tiền	2.552.600,00

Số tiền bằng chữ: Hai triệu năm trăm năm hai nghìn sáu trăm VND chẵn

Trích yếu: Tra lại số dư trên tài khoản - tháng 12.../..2011.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HAI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH
HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

**Biểu số 17:**

NGÂN HÀNG CPTM KỸ THUẬT VIỆT NAM  
HPG-TCB HAI PHONG  
MST: 0100230800-004

Theo công văn số 21208/  
CT/AC Cục thuế Hà Nội



Trang 1/1

**PHIẾU BÁO NỢ**  
(Kiên hóa đơn thu phí dịch vụ)

Ngày ..23. tháng .12.. năm2011

Kính gửi : CT TNHH TAN BINH  
Địa chỉ : SO 56 NGUYEN VAN LINH HAI  
PHONG  
Mã số thuế: 0200288642  
Số ID khách hàng: 20016596

Số tài khoản :109.20016596.01.5  
Loại tiền : VND  
Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN  
Giao dịch: 158

Chúng tôi xin thông báo đã ghi nợ tài khoản của Quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Chuyển khoản thu nợ	10.330.000,00
Tổng số tiền	10.330.000,00

Số tiền bằng chữ: Mười triệu ba trăm ba mươi nghìn VND chẵn  
Trích yếu: CHUYEN KHOAN THU NO-CT TNHH TAN BINH

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

TECHCOMBANK HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 5 Lý Tự Trọng - Hồng Bàng - HP

**Biểu số 18:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
PC01/12	1/12/2011	Nộp tiền vào tk ngân hàng HD	112	111	31.400.000
.....	....	.....	.....	.....	.....
<b>BN158/Tech</b>	<b>23/12/2011</b>	<b>Trả lãi tiền vay hạn mức ngân hàng Techcombank</b>	<b>635</b>	<b>112</b>	10.330.000
PC 22/12	25/12/2011	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	18.000
BN160/HD	25/12/2011	Trả lãi tiền vay ngân hàng HD	635	112	18.502.800
BC165/HD	26/12/2011	Ngân hàng HD trả lãi tiền gửi	112	515	685.885
.....	....	.....	.....	.....	.....
PC32/12	31/12/2011	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	18.000
<b>BC170/Tech</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi</b>	<b>112</b>	<b>515</b>	<b>2.552.600</b>
PKT125	31/12/2011	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515	911	14.485.769
PKT126	31/12/2011	K/c Chi phí tài chính quý IV	911	635	109.348.400
		<b>Cộng</b>			<b>125.652.456.560</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 19:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**  
**Số hiệu TK: 515**  
**Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính**  
**Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010**

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
BC165/HD	25/12/2011	Ngân hàng HD trả lãi tiền gửi	112		1.685.885
<b>BC170/Tech</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi</b>	<b>112</b>		<b>2.552.600</b>
PKT 125	31/12/2011	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	911	14.485.769	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>14.485.769</b>	<b>14.485.769</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		-	-

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 20:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**  
**Số hiệu TK: 635**  
**Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính**  
**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BN158/Tech</b>	<b>23/12/2011</b>	<b>Trả lãi tiền vay ngân hàng Techcombank</b>	<b>112</b>	<b>10.330.000</b>	
BN160/HD	25/12/2011	Trả lãi tiền vay ngân hàng HD	112	18.502.800	
PKT126	31/12/2011	K/c Chi phí tài chính quý IV	911		109.348.400
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>109.348.400</b>	<b>109.348.400</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



2.2.6: Nội dung hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác tại công ty TNHH Tân Bình

2.2.6.1. *Kế toán thu nhập khác*

- Thu nhập khác là những khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.

Tại công ty TNHH Tân Bình quý IV năm 2011 có khoản thu nhập khác từ hoạt động nhượng bán tài sản cố định.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (mẫu 01TT- BTC)
- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ (mẫu 02 - TSCĐ)

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 3331

2.2.6.2. *Kế toán chi phí khác:*

- Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay nhiệm vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra.

Tại công ty TNHH Tân Bình trong quý IV năm 2011 có các khoản chi phí từ hoạt động khác là giá trị còn lại của tài sản cố định đã nhượng bán.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Biên bản nhượng bán TSCĐ (mẫu 02 - TSCĐ)

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 811: Chi phí khác
- Các tài khoản khác có liên quan: 214, 211.

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu thu, biên bản nhượng bán TSCĐ...kế toán hạch toán vào Sổ Nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các tài

khoản có liên quan như TK711,811,111,214...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC

**Ví dụ 1:** Căn cứ vào biên bản nhượng bán ngày 09/12/2010 về việc thanh lý tài sản cố định oto 4 chỗ và các chứng từ có liên quan khác. Kế toán ghi vào các sổ sách kế toán theo định khoản

Nợ TK 112:	40.000.000
Có TK711:	36.363.636
Có TK3331:	3.636.364
Nợ TK 811:	102.702.120
Nợ TK 214:	58.090.880
Có TK 211:	160.793.000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 22), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK711 (Biểu số 23), sổ cái TK811 (biểu số 24) và sổ cái TK211,333,214. Cuối quý căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Biểu số 21:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

*Ngày 9 tháng 12 năm 2011*

Số : 62

Nợ: 214, 811

Có: 211

Căn cứ vào quyết định số 62 ngày 9 tháng 12 năm 2011 của Giám đốc công ty TNHH Tân Bình về việc thanh lý TSCĐ.

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

\* Bên thanh lý (Bên A):

- Ông: Nguyễn Kim Chinh                      Chức vụ: Giám đốc                      Trưởng ban

- Bà: Nguyễn Thị Nam                      Chức vụ: Kế toán                      Ủy viên

\* Bên mua (Bên B):

Ông: Nguyễn Văn Đạt                      Chức vụ: Phó giám đốc                      Trưởng ban

Ông: Nguyễn Tiến Hùng                      Chức vụ: Nhân viên kinh doanh                      Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên TSCĐ: Xe ô tô BMW16H -4808

- Mã TSCĐ: 37

- Nguyên giá TSCĐ: 1 095 555 704 đồng

- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 1 015 178 434

- Giá trị còn lại của TSCĐ: 80 377 270 đồng

III/ Kết luận của ban thanh lý . Thanh lý xe ô tô 4 chỗ 16H4808

Ngày 9 tháng 12 năm 2011

**Trưởng ban thanh lý**

( ký, họ tên )

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý TSCĐ: 8.500.000 đồng

- Giá trị thu hồi: 95.000.000 đồng

- Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 9 tháng 12 năm 2011

**Giám đốc**

( ký, họ tên, đóng dấu )

Ngày 9 tháng 12 năm 2011

**Trưởng ban thanh lý**

( Ký, họ tên )

**Biểu số 22:**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG BÁN XE Ô TÔ**

Số: B36

Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng tôi gồm:

**BÊN BÁN (Bên A):** Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh HP

Số tài khoản ngân hàng: 109.20016596.01.5

Tại ngân hàng: Techcombank

Do ông: Nguyễn Kim Chinh

Chức vụ: Giám đốc

**BÊN MUA (Bên B):** Công ty TNHH Sao Mai

chỉ: 65 Đà Nẵng, Hải Phòng

Do ông : Nguyễn Văn Đạt

Chức vụ: Phó Giám đốc

Chúng tôi tự nguyện cùng nhau lập và ký bản hợp đồng này để thực hiện việc mua bán ô tô, với những điều khoản đã được 2 bên bàn bạc và thỏa thuận như sau:

1. Bằng hợp đồng này, Bên A đồng ý bán cho Bên B 01 chiếc xe ô tô. Thông số xe như sau:

Theo đăng ký xe ô tô số 0005393

Tên chủ xe: Công ty TNHH Tân Bình

Giá mua bán xe ô tô 2 bên tự thỏa thuận là 180.000.000 đồng

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT. Bên A xuất hóa đơn GTGT.

Thủ tục sang tên đổi chủ, lệ phí trước bạ do bên B chịu.

2. Bên A cam kết: Khi đem bán chiếc xe trên, Bên A không cầm cố, không hứa bán, không đem cho, không chuyển nhượng hoặc có bất kỳ thỏa thuận nào khác về việc mua bán chiếc xe này, đồng thời đã thông báo cho bên B biết về tình trạng kỹ thuật của chiếc xe trên. Nếu sai bên A xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi hậu quả trước pháp luật, kể cả việc thỏa thuận giá mua bán.

3. Bên B cam kết: Đã xem xét, biết rõ tình trạng kỹ thuật của xe, hoàn toàn đồng ý mua chiếc xe trên như hiện trạng và đã nhận đủ bản chính giấy tờ đăng ký xe ô tô, các giấy tờ kèm theo xe cùng chiếc xe. Đồng thời bên B cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về việc đăng ký sang tên theo quy định.

4. Thanh toán:

Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản.

Hải Phòng, ngày 9 tháng 12 năm 2011

Bên bán

( ký, họ tên, đóng dấu )

Bên mua

( ký, họ tên, đóng dấu )

**Biểu số 23:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PC01/12	1/12/2011	Nộp tiền vào tk ngân hàng HD	112	111	31.400.000
PT 01/12	6/12/2011	Thu cước v/c thép của Cty Việt Hàn	111	511	14.500.000
PT 01/12	6/12/2011	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
PC 05/12	9/12/201	Trả phí dịch vụ CPN	641	111	15.000
<b>PT 02/12</b>	<b>9/12/2011</b>	<b>Bán ô tô 4 chỗ BMW16H - 4808</b>	<b>112</b>	<b>711</b>	<b>86.363.636</b>
PT 02/12	9/12/2011	Thuế gtgt đầu ra	112	333	8.636.364
PKT 109	9/12/2011	Giá trị hao mòn lũy kế	214	211	1.015.178.434
<b>PKT 109</b>	<b>9/12/2011</b>	<b>Giá trị còn lại</b>	<b>811</b>	<b>211</b>	<b>80.377.270</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....
PKT 125	31/12/2011	K/C thu nhập khác	711	911	86.363.636
PKT 126	31/12/2011	K/C chi phí khác	911	811	80.377.270
		<b>Cộng</b>			<b>125.652.456.560</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 24:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 711**

**Tên tài khoản: Thu nhập khác**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
<b>PT 02/12</b>	<b>9/12/2011</b>	<b>Bán ô tô 4 chỗ BMW16H - 4808</b>	<b>112</b>		<b>86.363.636</b>
PKT 125	31/12/2011	K/C thu nhập khác	911	86.363.636	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>86.363.636</b>	<b>86.363.636</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 25:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 811**

**Tên tài khoản: Chi phí khác**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
<b>PKT 109</b>	<b>9/12/2011</b>	<b>Bán ô tô 4 chỗ BMW16H - 4808</b>	<b>211</b>	<b>80.377.270</b>	
PKT 126	31/12/2011	K/C chi phí khác	911		80.377.270
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>80.377.270</b>	<b>80.377.270</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



### **2.2.7. Xác định kết quả kinh doanh**

- Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả của doanh nghiệp mình. Nội dung của kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình bao gồm

- Kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan

❖ Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

Cuối quý kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản xác định lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + KQHĐ khác}$$

Trong đó:

*Chi phí* = *Giá vốn hàng bán* + *Chi phí bán hàng* + *Chi phí quản lý DN*

*KQTC* = *Doanh thu HĐTC* - *Chi phí HĐTC*

*KQHĐ khác* = *Thu nhập khác* - *Chi phí khác*

**Ví dụ 1:**

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý IV. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán kế toán vào các sổ sách liên quan

-Tổng số phát sinh bên Có TK 911:	<b>9.663.122.931</b>
Kết chuyển doanh thu cung cấp dịch vụ	9.562.273.526
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	14.485.769
Kết chuyển thu nhập khác	86.363.636
-Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:	<b>8.520.448.850</b>
Kết chuyển giá vốn bán hàng	6.866.158.938
Kết chuyển chi phí bán hàng	956.300.542
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	508.263.700
Kết chuyển chi phí tài chính	109.348.400
Kết chuyển chi phí khác	80.377.270
- Thu nhập chịu thuế = 9.663.122.931 - 8.520.448.850 = 1.142.674.081	
- Thuế TNDN phải nộp = 1.142.674.081 x 25% = 285.668.520	
- Lợi nhuận sau thuế = 1.142.674.081 - 285.668.520 = 857.005.560	

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 125

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	9.562.273.526
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	14.485.769
3	Thu nhập khác	711	911	86.363.636
	<b>Tổng</b>			<b>9.663.122.931</b>

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số 126

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	6.866.158.938
2	Chi phí bán hàng	911	641	956.300.542
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	508.263.700
4	Chi phí tài chính	911	635	109.348.400
5	Chi phí khác	911	811	80.377.270
6	Chi phí thuế TNDN	911	821	285.668.520
7	Lợi nhuận sau thuế	911	421	857.005.560
	<b>Tổng</b>			<b>9.663.122.930</b>

**Biểu số 26:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
 Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
PC01/12	1/12/2011	Nộp tiền vào tk ngân hàng HD	112	111	31.400.000
PT01/12	6/12/2011	Thu cước v/c thép của Cty Việt Hải	111	511	14.500.000
PT01/12	6/12/2011	Thuế gtgt đầu ra	111	333	1.450.000
..	.....	.....	.....	.....	.....
PKT124	31/12/2011	Chi phí thuế TNDN quý IV	821	3334	285.668.520
PKT125	31/12/2011	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển	511	911	9.562.273.526
PKT125	31/12/2011	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515	911	14.485.769
PKT125	31/12/2011	K/C thu nhập khác	711	911	86.363.636
PKT126	31/12/2011	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	911	632	6.866.158.938
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí bán hàng quý IV	911	641	956.300.542
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí quản lý quý IV	911	642	508.263.700
PKT126	31/12/2011	K/c Chi phí tài chính quý IV	911	635	109.348.400
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí khác	911	811	80.377.270
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí thuế TNDN	911	821	285.668.520
PKT126	31/12/2011	Lợi nhuận sau thuế	911	421	857.005.560
		<b>Cộng</b>			<b>125.652.456.560</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 27:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 821**

**Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
PKT124	31/12/2011	Chi phí thuế TNDN quý IV	3334	285.668.520	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí thuế TNDN	911		285.668.520
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>285.668.520</b>	<b>285.668.520</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>		-	-

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 28:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ : 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**  
**Số hiệu TK: 911**  
**Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh**  
**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			
PKT125	31/12/2011	K/C doanh thu dịch vụ vận chuyển	511		9.562.273.526
PKT125	31/12/2011	K/C doanh thu hoạt động tài chính quý IV	515		14.485.769
PKT125	31/12/2011	K/C thu nhập khác	711		86.363.636
PKT126	31/12/2011	K/C giá vốn dịch vụ v/c quý IV	632	6.866.158.938	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí bán hàng quý IV	641	956.300.542	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí quản lý quý IV	642	508.263.700	
PKT126	31/12/2011	K/c Chi phí tài chính quý IV	635	109.348.400	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí khác	811	80.377.270	
PKT126	31/12/2011	K/C chi phí thuế TNDN	821	285.668.520	
PKT126	31/12/2011	Lợi nhuận sau thuế	421	857.005.560	
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>9.663.122.931</b>	<b>9.663.122.931</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 29:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ : 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CÁI**

**Số hiệu TK: 421**

**Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<b>Dư đầu quý</b>			<b>1.652.236.231</b>
PKT126	31/12/2011	Lợi nhuận sau thuế quý IV	911		857.005.560
		<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>857.005.560</b>
		<b>Số dư cuối quý</b>			<b>2.509.241.791</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 30:**

**Mẫu số B02 - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	Quý III
<b>1. Doanh thu bán hàng và CCDV</b>	<b>01</b>	VI.25	<b>9.562.273.526</b>	<b>7.578.369.486</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>9.562.273.526</b>	<b>7.578.369.486</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.27	<b>6.866.158.938</b>	<b>5.331.062.324</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.696.114.588</b>	<b>2.247.307.162</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	14.485.769	8.302.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	109.348.400	231.968.741
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		109.348.400	231.968.741
8. Chi phí bán hàng	24		956.300.542	544.236.563
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		508.263.700	452.089.848
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>1.136.678.715</b>	<b>1.027.314.975</b>
11. Thu nhập khác	31		86.363.636	-
12. Chi phí khác	32		80.377.270	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>5.986.366</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.142.674.081</b>	<b>1.027.314.975</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	285.668.520	<b>256.828.744</b>
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>857.005.560</b>	<b>770.486.231</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TÂN BÌNH**

#### **3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Tân Bình**

##### *3.1.1. Những ưu điểm của công tác kế toán tại Công ty*

###### *3.1.1.1. Đối với công tác kế toán*

Công ty TNHH Tân Bình luôn đạt hiệu quả cao trong lĩnh vực kinh doanh đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty trên toàn quốc.

➤ **Về cơ cấu bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh:** công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng

➤ **Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty:** Cán bộ kế toán có tính độc lập trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán thống kê. Do vậy mà bộ máy của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo số hàng tháng của công ty luôn đúng hạn.

Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh.

###### *3.1.1.2. Về hạch toán kế toán nói chung:*

Nhìn chung công ty thực hiện đúng và đầy đủ chế độ kế toán cũng như chuẩn mực ban hành cụ thể.

➤ **Chứng từ kế toán:** Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng

chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phần hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phần hành đó. Vì vậy đảm bảo tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng

➤ **Về sổ sách kế toán:** các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng lưu trữ theo đúng chuẩn mực và quy định của nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lưu báo cáo tài chính một cách chính xác.

➤ **Về tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng theo đúng chuẩn mực trong báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ –BTC của bộ trưởng bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán ban hành và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung.

➤ **Về hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Công ty nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về cơ chế theo đúng chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là về hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng, chính xác.

- Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp một cách kịp thời và chính xác

**3.1.2:Nhược điểm:**

Bên cạnh những ưu điểm trên về tình hình doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Tân Bình cũng còn nhiều điểm hạn chế.

➤ **Về tổ chức bộ máy kế toán:** Hiện nay Công ty chỉ có 4 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn cao tuy nhiên việc phân công công việc chưa hợp lý dẫn đến tình trạng số lượng nhân viên kế toán ít mà khối lượng công việc nhiều (thường dồn vào cuối kỳ) nên công tác kế toán còn gặp sai sót. Không những thế Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán nên khó đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

➤ **Về việc luân chuyển chứng từ:** Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Tuy nhiên việc lưu giữ và bảo quản chứng từ tại công ty vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ **Về hệ thống sổ kế toán**

***Kế toán chưa theo dõi chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng đối tượng***

Công ty không tiến hành mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong TK642 như: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý; chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý...

➤ **Về việc áp dụng chính sách ưu đãi đối với khách hàng**

Hiện nay công ty không có chính sách ưu đãi trong kinh doanh. Đó là việc cho khách hàng hưởng các khoản chiết khấu. Thực tế cho thấy rằng các chính sách ưu đãi trong kinh doanh cũng là một trong những biện pháp kích thích được

nhu cầu khách, thu hút được nhiều khách hàng nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy tăng doanh số tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng

cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Điều này trong nền kinh tế thị trường như hiện nay là rất cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

➤ ***Về việc thu hồi công nợ:*** Tuy công ty có nhiều bạn hàng nhưng không phải khách hàng nào cũng thanh toán ngay cho công ty. Các khách hàng của công ty ngoài những khách hàng đến thuê dịch vụ và sau đó thanh toán tiền ngay cho công ty còn có những khách hàng thường xuyên những bạn hàng quen thuộc nên việc bán hàng thanh toán sau là không thể tránh khỏi. Dẫn tới việc nếu công ty không có bộ phận kiểm soát thu hồi công nợ thì rất khó kiểm soát được số nợ của công ty.

**Biểu số 01:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 31/12/2011**

STT	Khách hàng	Công nợ đến 31/12/2011		Ghi chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	Công ty TNHH Tiên Thành	256.034.756		Đang chờ giấy báo có Ngân hàng
2	Công ty cô phân Hưng Lâm	157.894.034		Phát sinh ngày 25/11, hạn thanh toán 28/12
3	Công ty TNHH Văn Bình		184.602.500	Khách hàng đặt tiền trước
4	Công ty CP Vinacomin	354.662.183		Phát sinh ngày 20/3, hạn thanh toán 30/3
5	Công ty CP dịch vụ Hoàng Kim		459.839.023	Đang chờ giấy báo có của Ngân hàng
6	Công ty TNHH Thái Bình Dương		192.590.104	Khách hàng đặt trước tiền
...	.....	.....	.....	.....
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.678.347.224</b>	<b>936.802.759</b>	

Dựa theo báo cáo trên thì công ty cần trích lập dự phòng năm 2011 đối với khoản nợ sau:

-Khoản nợ 157.894.034 của công ty CP Hưng Lâm theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 25/11/2010, hạn thanh toán là 28/12/2010. Đã quá hạn thanh toán trên 1 năm

-Khoản nợ 354.662.183 của Công ty CP Vinacomin theo biên bản đối chiếu công nợ khoản nợ có hạn thanh toán 30/3/2011 đã quá hạn thanh toán 9 tháng.

Trong năm 2010 và năm 2011 công ty không trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi cũng như không thu hồi được nợ nên ảnh hưởng rất lớn tới tình hình tài chính của công ty.

### **3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tân Bình**

#### **3.2.1. Về việc tổ chức công tác kế toán:**

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì nhân viên kế toán không những có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bên cạnh đó phải có kiến thức về công nghệ mới, áp dụng được khoa học công nghệ vào công việc.

Để thực hiện giải pháp trên thì công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm làm việc trên phần mềm kế toán hoặc có kế hoạch cho nhân viên được đào tạo, nâng cao chuyên môn.

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của Công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng.

**3.2.2. Về việc luân chuyển chứng từ**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày.... đến ngày....

<b>Tên chứng từ</b>	<b>Số hiệu chứng từ</b>	<b>Số lượng chứng từ</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ký nhận</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>

**3.2.3. Về hệ thống sổ kế toán****3.2.3.1. Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho từng đối tượng**

Công ty cần lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm xác định rõ từng khoản mục trong chi phí quản lý doanh nghiệp. Xem xét và tìm nguyên nhân gây ra biến động lớn của các khoản mục chi phí so với cùng kì năm trước hoặc so với kì trước đó đồng thời xác định hiệu quả kinh tế mang lại do chi các khoản này để có biện pháp tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Công ty nên tiến hành mở chi tiết cho tài khoản 642

- TK6421 - Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT.

- TK6422 - Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng



cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ...

- TK6423- *Chi phí đồ dùng văn phòng*: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp

- TK6424 - *Chi phí khấu hao TSCĐ*: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp

- TK6425 - *Thuế, phí và lệ phí*: Phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như phí tiền gửi ngân hàng, phí tàu xe...

- TK6426 - *Chi phí dự phòng*: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK6427- *Chi phí dịch vụ mua ngoài*: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.

- TK6428 - *Chi phí bằng tiền khác*: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách...

**Biểu số 02:**

Công ty TNHH Tân Bình

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra					
SH	Ngày tháng				6421	6422	6424	6425	6427	6428
....	.....	.....	.....	....	.....			.....	.....	
GBN 52	7/12/2011	Phí chuyển tiền	112	15.000				15.000		
PC12/12	14/12/2011	Trả tiền điện	111	1.124.771					1.124.771	
PC 14/12	14/12/2011	Trả cước điện thoại	111	1.560.303					1.560.303	
PC21/12	22/12/2011	Chi phí tiếp khách	111							2.095.000
.....	.....	.....	.....	.....	.....			.....	.....	
PKT120	31/12/2011	Tính lương quản lý tháng 12	334	102.920.000	102.920.000					
PKT121	31/12/2011	Trích BHXH tháng 12	3383		3.170.668					
		<b>Cộng</b>		<b>508.263.700</b>	<b>239.958.795</b>	<b>40.355.843</b>	<b>63.486.648</b>	<b>30.326.952</b>	<b>56.289.635</b>	<b>77.845.827</b>

**3.2.3.2. Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại vào kế toán bán hàng**

Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống lâu năm những khách hàng này thường thuê vận chuyển khối lượng lớn hàng hoá. Việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng... Vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như bớt giá, chiết khấu thương mại khi vận chuyển hàng với số lượng lớn, thanh toán tiền nhanh nhằm giữ được khách hàng.

Chiết khấu thương mại: (Điểm 3, mục IV, Thông tư số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002 của Bộ tài chính hướng dẫn kế toán thực hiện 04 chuẩn mực kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 01/12/2001 của Bộ tài chính)

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm tiền cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng. Công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại nhằm thúc đẩy việc cung cấp dịch vụ, thu hút thêm nhiều khách hàng. Chính sách chiết khấu thương mại tại công ty có thể thực hiện theo cách sau:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp cùng ngành

- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

➤ ***Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại***

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

➤ **Phương pháp hạch toán**

1. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK5211 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

2. Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211 - Chiết khấu thương mại

**Chiết khấu thanh toán:** (theo quy định tại Điểm 2.19 mục IV phần C Thông tư số 130/2008TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính)

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thanh toán. Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành

- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp

- Công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 - Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí công ty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Nợ 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 111,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

*Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:*

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

**Ví dụ:** Dựa vào sổ chi tiết TK131 đối tượng công ty Bunge London LTD. Đối với hợp đồng vận chuyển theo hóa đơn 0055174 ngày 14/12/2011 ở ví dụ 2 ( phần 2.2.1) tổng số tiền thanh toán là 1.850.751.400. Theo hợp đồng vận chuyển Công ty Bunge London LTD có thời hạn thanh toán là 2 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vận chuyển. Công ty Bunge London LTD đã thanh toán vào ngày 20/12/2011 số tiền 1.850.751.400 đồng và đã thanh toán trước 2 tháng. Công ty TNHH Tân Bình có thể tham khảo mức áp dụng chiết khấu như sau:

- Nếu khách hàng thanh toán trước tiền từ 2 tháng trở lên đến dưới 3 tháng sẽ được hưởng mức chiết khấu 1,58%. Như vậy số tiền chiết khấu thanh toán mà công ty Bunge London LTD được hưởng là

Số tiền CK = 1.58% x 1.850.751.400 = 29.241.872 (đồng)

Kế toán định khoản: Nợ TK 635 : 29.241.872

Có TK131 :29.241.872

Cuối kỳ kế toán kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911 : 29.241.872

Có TK 635 : 29.241.872

**Biểu số 03:**

Công ty TNHH TÂN BÌNH

Địa chỉ: 56 Nguyễn Văn Linh Hải Phòng

**Sổ chi tiết thanh toán với người mua người bán**

**TK:131**

**Đối tượng: Công ty Bunge London LTD**

**Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011**

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	C
		<b>Số dư đầu quý</b>				-	-
55068	4/10/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 16	511	1.369.052.450		1.369.052.450	
55072	7/10/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 9	511	1.568.925.720		2.937.978.170	
.....		.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>55174</b>	<b>14/12/2011</b>	<b>cước vận chuyển tàu Tân Bình 39</b>	<b>511</b>	<b>1.850.751.400</b>		<b>1.850.751.400</b>	
55180	18/12/2011	cước vận chuyển tàu Tân Bình 22	511	1.524.961.750		3.375.713.150	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>BC 170</b>	<b>20/12/2011</b>	<b>Trả tiền theo hóa đơn 55174</b>	<b>112</b>		<b>1.850.751.400</b>	<b>2.208.572.509</b>	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>525.600.000</b>	<b>233.850.000</b>		
		<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>291.750.000</b>	-

**3.2.3.3 Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Công ty nên trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi nhằm đề phòng nợ phải thu thất thu khi khách hàng không có khả năng chi trả nợ và xác định giá trị thực của một khoản tiền nợ phải thu lập trên BCTC của năm báo cáo.

**➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi**

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

**➤ Phương pháp xác định**

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất

**➤ Mức trích lập:** (Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên
- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

**➤ Tài khoản sử dụng:** TK139**➤ Phương pháp hạch toán**

✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập. Nếu số dự phòng nợ phải

thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

✓ Xóa nợ

Nợ TK 139: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK131

Có TK138

Đồng thời ghi Nợ TK004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi

Nợ TK111,112...

Có TK711

**Ví dụ:**

Giả sử trong thời điểm ngày 31/12/2011, kế toán công ty có trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên Báo cáo tình hình công nợ đến 31/12/2011 như sau:

$$(157.894.034 \times 50\%) + (354.662.183 \times 30\%) = 185.345.672 (\text{đồng})$$

Kế toán định khoản:

Nợ TK 6426 : 185.345.672

Có TK139 : 185.345.672

Kế toán tiến hành lập phiếu kế toán rồi vào sổ nhật ký chung và các sổ sách liên quan.



## **KẾT LUẬN**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư.

Với kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Bình. Nhưng do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng các cán bộ phòng ban kế toán của công ty TNHH Tân Bình để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau cùng em xin chân thành cảm ơn thầy giáo hướng dẫn Vũ Hùng Quyết, các thầy cô giáo khoa quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng và các cô bác phòng kế toán tại công ty TNHH Tân Bình đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

*Hải Phòng, ngày 2 tháng 7 năm 2012*

**Sinh viên**

**Vũ Thu Vân**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.